

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỞ

QUYỂN 2 (Phần Cuối)

Phẩm 3: PHÂN BIỆT TAM THÂN

Phẩm Phân Biệt Tam Thân có chia ra ba phần:

1. Nói về lý do có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Nói rõ về chương nạn.

Trong phần nói về lý do phẩm này có ba mục.

Thứ nhất phẩm Thọ lượng ở trước nói chung về hai quả Bồ-đề, Niết-bàn không thể phân biệt biết được. Trong phẩm Thọ lượng đã nói riêng về Niết-bàn đoạn quả, chưa phân biệt về Bồ-đề trí quả. Nay vì phân biệt ba thân khác nhau khiến cho khác nhau giải chương, trị hữu biệt tu nhân mà chứng đắc.

Hư Không Tạng bạch Thế tôn: “Vì sao Bồ-tát đối với sự sâu xa bí mật của các Đức Như lai đúng như pháp tu hành?”.

Sâu xa bí mật tức là quả ba thân, đúng như pháp tu hành tức hỏi chương trị nhân cho nên từ phẩm này mà có. Thứ hai nói rõ lý do đến, ở phẩm trước nói về viên tịch thì cho dứt chương mà chứng, đoạn sở đoạn đã hoàn tất nên trí tuệ trọn vẹn.

Trong Bỉ Quả Trí Phần trong Nhiếp Luận của Vô Tánh chép: “Từ dứt sở đoạn được trí vô cấu vô quái ngại cho nên đoạn thù thắng không dứt quãng, tiếp đó nói về quả trí thù thắng”, vì thế sau phẩm trước có phẩm này sinh ra. Thứ ba nói rõ lý do đến là cơ nên nghe, từ bi vì đó mà nói khiến cho có được lợi lạc. Cuối phẩm này nói: “Trong bốn oai nghi, các Đức Phật Như lai thấy đều thuộc về trí, tất cả các pháp không có pháp nào không thuộc về từ bi”.

Không có pháp nào không vì lợi ích an vui cho các chúng sinh,

tức là dứt bỏ các khổ tám nạn, do đó văn dưới nói: “Lắng nghe tin hiểu không đi theo các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, đây là lìa xa nạn bốn đường ác, thường ở nơi trời, người, lìa xa nạn biên địa; không sinh nơi hạ tiện, lìa xa nạn sinh ra đui điếc, luôn luôn được gần gũi, các Đức Phật Như lai, lìa xa nạn sinh trước Phật, sau Phật, lắng nghe thọ nhận chánh pháp, lìa xa nạn thế trí biện thông, thường sinh về cõi nước thanh tịnh của các Đức Phật, lìa xa nạn sinh về tầng trời Sống lâu, cho đến cõi nước có bốn thứ lợi ích v.v... đều là lợi ích an vui”, cho nên có phẩm này.

Kế là giải thích tên gọi, phân là chia đoạn, Biệt nghĩa là đặt biệt, tức là chia đoạn khác nhau về ba thân. Hoặc phân nghĩa là phân tích, biệt nghĩa là ký biệt. Ba là số thân nghĩa là y vào nghĩa thể và chứa nhóm, như luận Thành Duy Thức mười giải thích. Còn nghĩa chân thật trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Thân gọi là thật, không tổn hoại gọi là thật”. Hoặc nối nhau gọi là thân, trong Lương Luận chép: “Các Đức Phật ba đời nối nhau không khác, tùy theo ba nghĩa sở ứng của tự tánh là Pháp thân, thông thể và y thật gọi là thân”. Ứng Hóa có cả năm, khác với biến kế cho nên cũng được gọi là thật.

Lại chẳng phải thành tựu do máu thịt cho nên cũng gọi là thật. Nếu nói theo tự tánh Pháp thân thì không được gọi là thật. Nếu chỉ nói ba thân thì giải thích theo số hiện có. Đã nói phân biệt ba thân, thì phân biệt là năng phân biệt, ba thân là sở phân biệt. Nên nói về sự phân biệt ba thân gọi là phẩm Tam Thân Phân Biệt, là y Chủ thích. Nay thuận theo phương này nói là phẩm phân biệt Tam Thân. Phẩm này nói rộng về ba thân của các Đức Phật cho nên gọi là phẩm Phân Biệt Tam Thân. Ba là nói về chương nạn.

Thứ nhất hỏi: Ba thân này đều vốn có hay mới sinh ra?

Đáp: Y cứ theo nhân thì đều là vốn có, nói về quả thì đều là mới thành. Bởi vì tự tánh của thân chẳng sinh diệt, do đó nói chung là mới thành tựu. Thể tự tánh Pháp thân tức là chân như, ở trong ràng buộc gọi là Tạng, không gọi là Pháp thân, hằng sa muôn đức tướng chưa hiện rõ cho nên chẳng phải là nơi y chỉ công đức của pháp. Thoát ra khỏi sự ràng buộc thì gọi là Pháp thân, hằng sa muôn đức tướng đã hiển hiện. Nói về công đức y theo tên gọi là Pháp thân, trong kinh Thắng-man chép: “Ở trong ràng buộc gọi là Như lai tạng, ra khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân”. Luận Thành Duy Thức chép: “Ở Đại Mâu-ni gọi là Pháp thân”. Đã nói ở Đại Mâu-ni gọi là Pháp thân thì rõ ràng chẳng phải là tên gọi vốn có, cho nên là mới đạt được. Hai thân Ứng và Hóa về nhân

tuy là vốn có nhưng quả thì mới phát sinh. Lý đó rất thành tựu, không dẫn chứng rườm rà.

Thứ hai hỏi: Ba thân này là đồng nhất thể, nghĩa dụng chia làm ba làm nhân và thể khác nhau?

Đáp: Nhân và thể đều khác. Tự tánh Pháp thân tức là ứng được nhân đắc, ứng được nhân thể tức là chân như. Hai thân Ứng và Hóa nhờ gia hạnh nhân, tròn đầy nhân mà được. Phát tâm gọi là gia hạnh, tu tập đầy đủ gọi là tròn đầy, tức là sáu độ.

Thứ ba hỏi: Nếu ba nhân có thể riêng thì cũng khác nhau, vì sao vẫn dưới nói: Tuy có ba số nhưng không có ba thể?

Đáp: Nói theo tánh tướng thì chân như là tánh, ngoài ra là tướng, không có một pháp nào ra khỏi thế giới chân như mà có Thể tánh riêng nên nói là không có ba thể, thấy đều là Như, thể tánh không khác.

Lại y cứ theo nhiếp tướng quy về tánh thì Như, Thể tức là một, hoặc tướng dụng luận riêng về ba thể khác nhau, như luận Thành Duy Thức, Đại Trang Nghiêm, Nhiếp Đại Thừa v.v... đều có nói về điều đó.

Thứ tư hỏi: Nếu ba thể khác nhau thì ở dưới nói thí dụ quặng vàng không thành?

Đáp: Không hề trái nhau, vì lý chân như và vô lậu vốn có kết hợp dụ cho quặng vàng, được vàng ròng là hợp dụ cho quả đức, tùy ý chuyển đổi làm các vật dụng trang nghiêm, dụ cho tánh tướng công đức đều y như lý, căn lực giác chỉ y theo bốn trí mà khởi. Dưới đây phân biệt qua ba dụ vàng, nước, hư không đối với thể Pháp thân là có trước, mộng vượt sông dụ cho mới bắt đầu, biệt dụ cho bốn trí tâm phẩm, vì vậy ở dưới kinh nói: “Chẳng phải là vô tâm, vọng tưởng đã dứt bỏ là giác thanh tịnh; chẳng phải là vô giác, vàng, nước và hư không là vốn có không thay đổi, cho nên dụ cho tự tánh. Mộng không phải là chân giác, mộng biết rõ là không thật thì chân giác mới khởi, vì thế biết là Thể khác nhau”. Các vị tôn đức xưa nay nói về thể ba thân, khác nhau không đồng nghĩa đến sau này sẽ phân biệt rõ.

Văn kinh: Bấy giờ, Hư Không Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong đại chúng liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, gối phải sát đất chấp tay cung kính đánh lễ dưới chân Phật.

Tán rằng: Ngay trong phẩm này toàn văn chia làm bốn phần:

1. Bồ-tát thưa hỏi.
2. Như lai trả lời.
3. Nay người thiện nam! Tri kiến như thế trở xuống là kết thúc

khuyến khích tu hành.

4. Bảy giờ, Hư Không Tạng trở xuống là lãnh ngộ thọ trì tu học.

- Trong phần đầu lại có hai:

1. Cúng dường.

2. Thân thỉnh.

- Cúng dường có hai thứ:

1. Nội cúng dường, tức là nghi thức thỉnh pháp.

2. Ngoại cúng dường, tức là biểu hiện thành tựu đương quả.

Đây tức là văn mở đầu.

Nội cúng dường này là nghi thức thỉnh pháp, trong luận Đại Trang Nghiêm quyển một có nói. Thứ nhất trong nghĩa phát tâm có sáu thứ thù thắng, nguyện thù thắng thứ hai tức là mười nguyện lớn.

Nguyện thứ nhất cung kính cúng dường tất cả các Đức Phật, trong đó có ba:

1. Tất cả Phật vô dư.

2. Cúng dường vô dư.

- Trong cúng dường vô dư có ba:

1. Lợi cúng dường, đó là các thứ y phục v.v...

2. Kính cúng dường, đó là các thứ hương hoa v.v...

3. Hành cúng dường đó là tu tập tín giới v.v...

- Cung kính vô dư, cũng có ba:

1. Chu cấp hậu hạ cung kính.

2. Đón đưa cung kính.

3. Tu hành cung kính.

Nay ở đây chính là tu hành cung kính, trong đó có hai: Đầu tiên nói về người thưa hỏi, sau đó nói về cúng dường.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát này tên là Hư Không Tạng?

Đáp: Nhất định các vị Bồ-tát đều có công năng phước trí địa vị tương tự đều phải như nhau, nhưng tùy theo nguyện tăng thêm nên có tên đều khác nhau.

Nay vị Bồ-tát này lập danh có hai cách:

1. Theo Sự.

2. Theo Lý.

Theo Sự lập danh, như kinh Đại Tập quyển mười lăm, cũng nói: “Bồ-tát Hư Không Tạng được năng lực thần thông của Như lai, ở trong hư không tùy theo sự cần thiết của chúng sinh, hoặc pháp, hoặc tài, tất cả thường ban cho đều khiến trở nên vui mừng, vì trí phước tiện này nên gọi là Hư Không Tạng”.

Còn trong phẩm Hư Không Tạng chép: “Thời quá khứ, có Luân vương tên là Sư Tử Biên, xuất gia không bao lâu đạt được năm thứ thần thông, kế thừa giáo pháp của Phật làm cho tà tâm của vua cha thay đổi, muốn giúp cha vào trong chánh kiến nên nhập định hiện hiện bày thần thông. Các tướng như thế làm cho tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, ở giữa hư không tuôn xuống các vật tốt đẹp quý giá như mưa, đều từ hư không lần lượt rơi xuống, đầy khắp cõi tam thiên.

Lúc bấy giờ, Địa Thần cho đến tầng trời Ca-ni-tra, vui mừng phần khởi nói lời như vậy: Vị Đại Bồ-tát này tên là Hư Không Tạng. Lúc ấy Phật ấn khả tên là Hư Không Tạng”. Theo Lý lập danh ấy, trong kinh Hư Không Tạng Bồ-tát chép: “Hư Không Tạng nói với A-nan rằng: Thân ta tức là hư không, dùng hư không chứng biết tất cả, là hư không ấn chứng hư không”. Đây là theo Lý mà gọi tên, tức là lý thân. Mười địa chứng đắc mười thứ Pháp thân như trong Thắng Thiên Vương Bát-nhã chép: Còn nghĩa về ba thân trong Pháp Uyển có trích dẫn đầy đủ. Cũng như kinh Hoa Nghiêm, thân tướng Phổ Hiền giống như hư không, nương vào Như như, không dựa vào cõi Phật.

Hỏi: Bồ-tát này giai vị ở địa nào?

Đáp: Theo kinh Đại Tập nói là ở Địa thứ mười. Đứng dậy khỏi chỗ ngồi v.v... đều có sự biểu thị, suy theo đó có thể biết.

Văn kinh: Dùng hoa, cờ báu, phướn lọng vi diệu quý báu để cúng dường Đức Phật.

Tán rằng: Ngoại cúng dường tức trong ba loại cúng dường đây là kính cúng dường. Dùng vàng báu nhiệm mầu bậc thượng vi diệu kim bảo là biểu thị cho sự tu hành lâu xa, là dụ cho việc luyện vàng dưới đây. Nói hoa báu là biểu thị hãy còn ở nhân sẽ đạt được quả. Cờ báu biểu thị cho trí Bồ-đề cao vượt khỏi hàng Nhị thừa. Lọng báu biểu thị cho bốn tâm vô lượng che mát chúng sinh, cũng biểu thị cho nghe kinh này có thể làm nhân thù thắng đạt đến quả thù thắng.

Văn kinh: Bạch Đức Phật: Bạch Thế tôn! Vì sao nói Bồ-tát Ma-ha-tát đối với chỗ sâu xa bí mật của các Đức Như lai đúng như pháp tu hành?

Tán rằng: Đích thân thưa hỏi, sâu xa bí mật là hỏi về quả, như pháp tu hành là hỏi về nhân. Khó có thể chứng đến tận cùng gọi là sâu xa, hoặc hàng Nhị thừa không biết nên gọi là sâu xa. Bồ-tát Địa tiền không thể hiểu rõ gọi là bí mật. Theo kinh Pháp Hoa nói về sâu xa có năm loại:

1. Nghĩa.

2. Thể.
3. Nội chứng.
4. Y chỉ.
5. Vô thượng.

Lại bí mật đó tức là tướng, và khiến hội nhập trong bốn bí mật. Ba tánh là tướng ba thân khiến hội nhập.

Văn kinh: Đức Phật nói: Này người thiện nam! Hãy lắng nghe và khéo nghĩ nhớ, ta sẽ phân biệt giải thích rõ cho ông nghe.

Tán rằng: Đoạn lớn thứ hai, Như lai trả lời. Văn chia làm bốn: Đầu tiên bảo lắng nghe và hứa nói; tiếp đến trả lời về quả; tiếp theo “Lại nữa, này người thiện nam” trở xuống là trả lời về vấn đề tu hành; sau cùng “Lại nữa, Thiện nam! Pháp thân” trở xuống là tổng kết nhân quả ở trước, nói rõ khiến cho biết.

Đây là mở đầu.

Nói hãy lắng nghe và khéo nghĩ nhớ, trong Công Đức Thí Bồ-tát Kim cương Bát-nhã Luận giải thích rằng: “Đế-thích là tâm chuyên chú vào một cảnh, Thiện là đối với nghĩa như lý phát sinh tin tưởng, không có nghi ngờ, Tư niệm là kính trọng giữ gìn không quên”. Ngài Chân-đế giải thích rằng: “Đế-thích tức là phát sinh văn tuệ, văn tuệ lìa xa lỗi tán loạn, như kính mển tài năng, khó nghĩ là phát sinh tư tuệ, tư tuệ thường tôn trọng, lìa xa buông lung, như toàn vẹn đức độ. Niệm là phát sinh tu tuệ, tu tuệ thường nhiếp niệm, xa lìa điên đảo, như tài năng đức độ thanh tịnh.

Văn kinh: Này người thiện nam! Tất cả Như lai đều có ba thứ thân.

Tán rằng: Tiếp theo trả lời về quả đã hỏi. Văn chia làm bốn:

1. Nêu lên số đó.
2. Tùy số đưa ra.
3. Y theo số đưa ra.
4. Tùy số nêu ra giải thích.

Đây là nêu ra.

Văn kinh: Vì sao nói là ba?

Tán rằng: Trưng dẫn.

Văn kinh: Một là Hóa thân, hai là Ứng thân, ba là Pháp thân.

Tán rằng: Sắp xếp theo trưng dẫn. Trước tiên nêu ra tên gọi ba thân, sau đó hiển bày thân nhiếp khuyến khích nên biết. Đây là nêu ra tên gọi ba thân.

Văn kinh: Ba thân như vậy nhiếp thọ đầy đủ, được A-nậu-đa-la

Tam-miêu Tam-bồ-đề, nếu đích thực hiểu rõ thì mau chóng thoát khỏi sinh tử.

Tán rằng: Hiện bày thâm nhiếp khuyến khích nên biết. Như vậy là chỉ cho ba thân nêu ra ở trước. Nhiếp thọ đầy đủ là hiện bày thâm nhiếp thân Phật, là đức vô vi, tự lợi lợi tha tất cả đều trọn vẹn. Nhiếp nghĩa là ôm lấy tất cả, Thọ là dung nạp. Nghĩa là ba thân này thâm tóm tất cả, dung nạp công đức thân Phật thấy đều trọn vẹn. Vì sao ba thân này chính là A-nậu Bồ-đề? Nói A nghĩa là Vô, Nậu-đa-la là Thượng, Tam là chánh, Miêu là Đẳng, Tam còn dịch là Chánh, Bồ-đề là Giác.

Theo đó nên nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là thâm nhiếp năm pháp chân như và bốn trí. Như tức là Đoạn đức Niết-bàn, bốn trí tức là Trí Đức, dựa theo đây mà hóa sinh tức là ân đức, thâm nhiếp trọn vẹn Bồ-đề. Luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước chép: “A-nậu-đa-la hiện bày Bồ-đề Bồ-đề đoạn, là tướng giải thoát; Tam-miêu Tam-bồ-đề hiện bày riêng biệt về đạo Bồ-đề.

Bởi vì người bình đẳng, bởi vì Bồ-đề phần pháp. Đây là ý về tướng giải thoát, tức là ly cấu chân như. Đạo Bồ-đề là bốn trí tâm phẩm, bởi vì người bình đẳng, bởi vì người vô ngã lý ấy bình đẳng. Bởi vì có Bồ-đề phần pháp nên gọi là Phật, đối với vô thượng giác mà sinh chánh giác thì khác với phàm phu, đẳng giác khác với Nhị thừa”.

Lại nói: “Chánh giác khác với Bồ-tát, bởi vì chữ Giác xuyên suốt tất cả bốn nơi”. Đầu tiên là vô thượng giác, tức là lý chân như, giác tánh gọi là giác, cho nên kinh nói rằng: “Bồ-đề Bồ-đề đoạn gọi là Bồ-đề”. Đầu tiên gọi là Vô thượng, trong kinh Bát-nhã chép: “Không có chút pháp nào có thể đắc cho nên gọi là A-nậu v.v...”. Luận Thích chép: “Không một vi trần pháp nào có thể đắc”. Đây là ý nói Nhị thừa chỉ dứt bỏ phiền não không dứt được sở tri, Bồ-tát thì dứt bỏ cả hai chướng, chủng trí không có chút nhiễm nào cho nên nói là Vô thượng Tam-miêu Bồ-đề v.v... Nói Vô thượng tức là vì hơn hẳn hạng phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát kia cho nên giác gọi là Vô thượng. Kinh Bát-nhã chép: “Pháp này bình đẳng không có cao thấp cho nên gọi là A-nậu Bồ-đề”. Đây là ý nói do Phật và Phật ngang nhau, chứng đạt vô ngã ngang nhau cho nên gọi là Vô thượng, nếu có hơn kém thì không gọi là Vô thượng. Như trong luận Biện Trung Biên, phẩm Vô Thượng Thừa chép: “Tóm lại từ ba vô thượng nói là Vô Thượng thừa, đó là Chánh hạnh, Sở duyên và tu chứng Vô Thượng”. Ý này tức là các hạnh đều tu, các cảnh đều thông, các quả đều chứng, cho nên gọi là Vô Thượng, rộng như luận ấy nói. Kinh Bát-nhã nói rằng: “Tu tất cả pháp lành tức đạt được hạnh

Bồ-đề vô thượng, đối với tất cả các pháp nên biết như vậy tức là cảnh vô thượng, tu chứng vô thượng tức là Bồ-đề, Niết-bàn”. Luận ấy chép: “Chín là Phật địa tu chứng không còn hai chương, do đó mười là thị hiện Bồ-đề, tu chứng không ngừng nghỉ”. Nay ở đây cũng nói như vậy. Nếu đích thực hiểu rõ mau chóng thoát khỏi sinh tử ấy là khuyến khích đại chúng khiến cho hiểu rõ. Nghĩa về ba thân này phân biệt sơ lược có năm loại:

1. Giải giải thích.
2. Đưa ra Thể.
3. Khai hợp phế bỏ vị.
4. Nhân khởi tương quả.
5. Các môn phân biệt.

- Thứ nhất giải giải thích, có hai:

Đầu tiên đưa ra danh, sau đó giải giải thích. Đưa ra danh, kinh luận đều khác nhau, ba thân đều có nhiều tên gọi. Hóa thân Phật lược có năm tên gọi:

1. Gọi là Hóa thân, trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Do năng lực tự tại bốn nguyện của Phật, giống như chúng sinh kia đổi thay hiển hiện gọi là Biến Hóa thân”.

2. Là cha mẹ sinh thân, trong luận Trí Độ chép: “Phật có hai thân: Một là pháp tánh sinh thân; hai là cha mẹ sinh thân”.

3. Tùy thế gian thân, nói rõ bi nguyện của Phật thị hiện giống như thế gian, vào ở trong thai thoát ra khỏi thai gọi là tùy thế gian, vì vậy trong luận Trí Độ chép: “Phật có hai thân: Một là Tùy thế gian thân, hai là Pháp tánh sinh thân”.

4. Chỉ gọi là sinh thân, cũng thuộc về cha mẹ sinh ra, kinh Niết-bàn chép: “Phật có hai thứ thân: Một là Pháp thân; hai là Sinh thân”.

5. Là giả danh thân, trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Giả danh thân tức là hóa thân, thị hiện thân này phân biệt, việc làm không chân thật gọi là giả danh thân” các tên gọi này tùy theo nghĩa nên biết.

- Thứ hai là Ứng thân, lược có sáu tên gọi:

1. Ứng thân, hằng sa đức thành tựu tương ứng với lý gọi là Ứng thân, trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Nếu là Pháp thân thì Ứng thân không thành tựu, hoặc đến cơ Bồ-tát thích hợp nên nói pháp, cho nên gọi là Ứng thân; hoặc vì thích ứng với nhân xưa kia”.

2. Thọ dụng thân, là Thọ dụng tịnh độ Đại thừa pháp lạc, trong luận Thành Duy Thức chia ra Tự thọ dụng và Tha thọ dụng, Tự thọ dụng

là luôn luôn tự mình thọ dụng pháp lạc rộng lớn, Tha thọ dụng là giúp cho người khác thọ dụng pháp lạc Đại thừa.

3. Báo thân, dùng quả báo đền nhân gọi là Báo thân, trong luận Thập Địa gọi là Báo thân Phật, trong luận Bát-nhã gọi là Thọ lạc báo Phật.

4. Trí tuệ Phật, nói trong kinh Lăng-già.

5. Công đức Phật, cũng nói trong kinh Lăng-già.

6. Là pháp tánh sinh thân, trong luận Trí Độ chép: “Phật có hai thứ thân, một là pháp tánh sinh thân, hai là cha mẹ sinh thân”. Đã nói pháp tánh sinh, rõ ràng không phải tự tánh Pháp thân, bởi vì hằng sa công đức tương ứng với pháp tánh, dựa vào pháp tánh mà khởi gọi là pháp tánh sinh.

- Thứ ba là Pháp thân, lược có năm tên gọi:

1. Pháp thân, thân mà công đức chân như vô cấu nương vào gọi là Pháp thân, trong Nhiếp Đại Thừa chép: “Thân này tương ứng cùng với pháp công đức cho nên gọi là Pháp thân”. Luận Thành Duy Thức chép: “Chính tự tánh này cũng gọi là Pháp thân, là nơi y chỉ của các pháp đại công đức”. Kinh này cũng giống như vậy.

2. Tự tánh thân: trong Nhiếp Đại Thừa dịch vào đời Lương chép: “Hoặc Phật xuất thế, hoặc Phật không xuất thế đều tự nhiên, gọi là tự tánh thân”. Thành Duy Thức chép: “Đó là chân tịnh pháp giới thọ dụng biến hóa bình đẳng sở y của các Đức Như lai nên gọi là tự tánh thân”.

3. Chân thật thân, Nhiếp Đại Thừa dịch vào đời Lương chép: “Thân có hai thứ: Một là chân thật thân; Hai là giả danh thân”, trong luận Bảo Tánh gọi là thật Phật, kinh này cũng nói pháp thân là Phật.

4. Như như Phật, kinh Lăng-già nói Như như Phật.

5. Chỉ gọi là Pháp Phật: Chân như tự thể được gọi là Phật, như là Phật thể cho nên gọi là Pháp Phật. Trên đây đã nêu ra tên gọi. Giải thích tên gọi là giải rõ tên gọi chung trong đầu đề như phẩm trước. Giải thích tên riêng là dựa theo kinh này nói Hóa thân là hiện bày các thứ thân, đó gọi là Hóa thân. Bởi vì có thể dẫn dắt từ không mà chợt có, hiện rõ đó là Hóa, Hóa tức là thân, là trì nghiệp thích.

Hoặc riêng để phân biệt với chung là thân của Hóa, tức là y Chủ thích. Bởi vì thân xuyên suốt cho nên có chỗ gọi là Biến Hóa thân, Biến nghĩa là chuyển đổi hình dạng vốn có, Hóa tức là từ không mà chợt có, vừa biến vừa hóa, biến và hóa khác nhau, là tương vi thích. Biến Hóa tức thân là trì nghiệp thích. Ở đây bỏ chữ Biến, hoặc Hóa dụng thù thắng cho nên gọi là Hóa thân. Y theo đây thì Ứng là Ứng với phàm

phu, Nhị thừa, ứng là ứng thân, để phân biệt với Báo thân nên chỉ nói Hóa thân. Không đồng Báo thân, vì ứng với Bồ-tát nên được gọi là Ứng. Theo luận Thập Địa và kinh luận thì Báo thân gọi là Báo Phật, Hóa thân, Pháp thân, Ứng thân đều gọi là Phật. Theo các kinh luận phần nhiều trước đây nêu là Phật có bao nhiêu thân, trong nêu danh phần nhiều không có chữ Phật. Không như vậy thì nếu chỉ nói ba thân là tên gọi cho tất cả người khác, cũng gọi là thân. Lại y cứ theo mười hiệu, ba thân đều được tên gọi đó. Nhiều tên gọi của Phật tạm thời nêu ra một, cho nên ở đây cũng nói: Tất cả Như lai đều có ba thân. Nói về Ứng thân, theo văn kinh này có hai nghĩa gọi là Ứng:

1. Khế Ứng chân lý nên phát khởi thân này. Kinh chép: “Như thật tương ứng như như, trí như như bốn nguyện lực, thì thân được hiện bày”. Đã nói như thật tương ứng như như đẳng trí bốn nguyện lực cho nên thân đó được hiện bày, do khế ứng với chân lý mới phát khởi gọi là Ứng thân. Trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Nếu lìa Pháp thân thì ứng thân không thành tựu, nên biết rằng hai thân này do năng y và sở y nên được tương ứng”. Lại vì ứng đến căn tánh của Bồ-tát mà hiện bày thân này gọi là Ứng thân. Vì vậy kinh này chép: “Vì các Bồ-tát có khả năng thấu suốt cho nên nói về Chân-đế”, cho đến chép: “Đó gọi là Ứng thân”. Phú cơ gọi là Ứng, nhưng là tha thọ dụng, không phải là tự thọ dụng. Nghĩa trước có cả hai. Nói về Pháp thân là y theo luận Thành Duy Thức chép: “Là nơi y chỉ của pháp đại công đức”. Luận Phật Địa chép: “Là nơi y chỉ của các pháp công đức và các năng lực vô úy”. Công đức là năng y, thân là sở y, tức thể chân như là sở y của pháp công đức, cho nên gọi là Pháp thân, là y chủ thích.

Nhiếp Luận Đại Thừa của ngài Vô Tánh cũng giải thích đồng với ở đây. Lại chân như là công đức pháp thể, thể tức là thân, do đó pháp chính là thân. Luận Vô Tánh giải thích rằng: “Pháp tánh tức là thân, cho nên gọi là Pháp thân, là trì nghiệp thích”. Nay văn kinh này có đủ cả hai nghĩa. Sau kinh này chép: “Vì sao nói Bồ-tát hiểu rõ Pháp thân? Vì dứt trừ các phiền não các chướng, vì đầy đủ các pháp công đức cho nên chỉ có như như, trí như như, đó gọi là Pháp thân”. Vì dứt trừ các phiền não các chướng gọi là Pháp thân, tức là đã hiển hiện Báo thân, là trì nghiệp thích. Đầy đủ các pháp công đức gọi là Pháp thân, tức chính là năng y, là y Chủ thích. Ngoài ra như Pháp Uyển Tam Thân Nghĩa Lâm phân biệt rõ. Lại y theo kinh này phân biệt có ba thứ:

1. Liệt danh hiển thắng.
2. Xuất tam thân thể.

3. Chư môn phân biệt.

Phần đầu xong.

Văn kinh: Vì sao nói Bồ-tát hiểu rõ Hóa thân?

Tán rằng: Đưa ra thể của ba thân. Tức chia ra ba đoạn. Đây là Thể Hóa thân:

1. Mượn để hỏi.
2. Phật trả lời.
3. Cả hai kết thúc.

Đây là mở đầu. Nói Bồ-tát là đối với cơ đã đầy đủ, Nhị thừa định tánh không thể vui mừng mong cầu, do đó hỏi Bồ-tát. Tuy ba thừa đều được gọi là Bồ-tát nhưng không phải đều là hỏi ý.

Hỏi Bồ-tát Đại thừa vì sao nói hiểu rõ vì muốn khiến cho ưa thích tu hành mà mong cầu, tức là hai lần hỏi:

1. Thế nào là Bồ-tát.
2. Thế nào là hiểu rõ.

Văn kinh: Nay người thiện nam! Xưa kia Như lai còn ở giai vị tu hành vì tất cả chúng sinh tu các thứ pháp.

Tán rằng: Đây là Phật trả lời, lại có hai: Nhân và Quả.

Đây là nhân. Văn chia làm năm phần:

1. Gọi người thưa hỏi.
2. Tự nêu đức hiệu.
3. Nói rõ hạnh vị.
4. Nói ý tu tập.
5. Chính thức tu tập.

Xưa kia ở trong địa vị tu hành là nói về hạnh vị, tức là trừ chủng tánh địa trong bảy địa, vì chưa tu hành cho nên trong lời nói cũng phân biệt với trì nghĩa, vì tất cả chúng sinh là thứ tư nói về ý tu tập, tức là đồng với kinh Bát-nhã. Thế nào là trụ tâm? Vì tất cả chúng sinh đều muốn diệt độ, đây là sự rộng lớn bậc nhất. Tâm đó thường không điên đảo, bốn thứ tâm ích lợi tu các thứ pháp môn, tức là nhân của sự tu hành và dứt bỏ chướng. Văn kinh-thù Sở Vấn chép: “Bồ-tát đầu tiên quán pháp gì thực hành hạnh Bồ-tát, tức là việc làm, dựa vào pháp nào mà thực hành hạnh Bồ-tát, tức là tu đoạn. Văn-thù đáp rằng: Các Bồ-tát thực hành đại bi là vốn vì các chúng sinh”. Đây là mở đầu.

Tuy cũng tự lợi nhưng Bồ-tát lấy đại bi lợi tha làm trước tiên, lý thật cũng có tự lợi, hoặc ngay nơi lợi tha trở lại làm tự lợi. Vì thế kinh luận ấy chéo:

Lại hỏi: Đại bi lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy trực tâm làm gốc, đây là ý khiến xa lìa sợ hãi cho người khác.

Lại hỏi: Trực tâm lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh làm gốc; đây là ý đối với tất cả các loài hữu tình oán thân tâm đều thương xót bình đẳng.

Lại hỏi: Đối với tất cả mọi nơi tâm bình đẳng lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy không hề khác nhau, xa lìa (Dị hạnh) làm gốc, đây là ý khiến cho lìa xa tâm Năng độ, Sở độ.

Lại hỏi: Không khác nhau, lìa khác nhau lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy tâm rất thanh tịnh làm gốc; đây là ý tuy là nhiếp tha nhưng đồng kỷ, khiến cho xa lìa tâm ái nhiễm và hoàn toàn vắng lặng.

Lại hỏi: Tâm rất thanh tịnh lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy tâm A-nậu Bồ-đề làm gốc; đây là ý tự lợi, bởi vì tự mình không cứu thì không thể lợi tha. Hoặc là cầu Bồ-đề tức là ba thứ tâm gọi là tâm Bồ-đề.

Lại hỏi: Tâm Bồ-đề lấy gì làm gốc?

Đáp: Lấy sáu pháp Ba-la-mật làm gốc, đây chính là vì đầy đủ sáu chủng tánh dùng làm gốc, hoặc do tu hành sáu độ làm gốc”.

Hỏi đáp trong kinh đó đồng với ý kinh này. Vì tất cả chúng sinh tức là thương xót chúng sinh. Phát tâm Bồ-đề thương xót chúng sinh lại có năm việc:

1. Thấy các chúng sinh bị vô minh trói buộc.
2. Thấy các chúng sinh không tin nhân quả gây ra các nghiệp ác.
3. Thấy các chúng sinh rời bỏ chánh lý.
4. Thấy các chúng sinh gây ra nghiệp ác sâu nặng.
5. Thấy các chúng sinh không tu tập chánh pháp.

Năm việc đều có bốn thứ, rộng như kinh kia đã nói. Tu các pháp môn tức là mười độ sau và dứt bỏ các chướng.

Văn kinh: Tu tập như thế đến khi tu hành đầy đủ.

Tán rằng: Đắc quả. Đầu tiên là nói về nhân sở tu tròn đầy, kể là nêu lên quả sở đắc tròn đầy, sau đó tổng kết thân danh.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Nhờ năng lực tu hành nên đạt được đại tự tại.

Tán rằng: Nói về quả sở đắc trọn vẹn, có hai: Đầu tiên nói về quả đắc trọn vẹn, sau đó nói về khả năng lợi ích chúng sinh. Đắc quả chia hai:

1. Đắc quả.

2. Liễu cảnh.

- Đây là đặc quả. Mười đại tự tại gồm:

1. Nêu danh.

2. Xuất thế.

3. Biện nhân.

4. Phế lập.

- Nêu danh đó trong Nhiếp Luận 9 của ngài Vô Tánh chép: “

1. Tuổi thọ tự tại.

2. Tâm tự tại.

3. Chúng cụ tự tại.

4. Nghiệp tự tại.

5. Sinh tự tại.

6. Thắng giải tự tại.

7. Nguyện tự tại.

8. Lực tự tại.

9. Trí tự tại.

10. Pháp tự tại”.

Về xuất thế thì mạng tức là mạng căn, như phẩm Thọ lượng ở trước đã nói.

Kinh Thập Địa chép: “Không thể nói, không thể nói, kiếp mạng trụ trì”.

Nhưng kinh Tát-già-ni-kiền Tử quyển bảy và kinh Pháp Tập 3 chép: “Đạt được cam lộ tối thượng gọi là mạng tự tại. Cam lộ tức Niết-bàn, Niết-bàn chính là tuổi thọ của Pháp thân. Hoặc do chứng vô trú cam lộ này nên mạng của Ứng thân, Hóa thân hiện bày mạng tùy tâm kéo dài hay rút ngắn đều vô tận”. Tâm tự tại, theo kinh Thập Địa thì “Tâm tức là trí định, do năng sở dắt dẫn”, đồng với luận Tạp Tập đưa ra các pháp thể thông suốt trí định.

Kinh đó chép: “Đạt được tâm tự tại thì vô lượng tăng-kỳ hội nhập trí Tam-muội”.

Hoặc chép: “Định này thường dẫn dắt trí, không nhất thiết giữ lấy trí tâm tự tại”.

Theo kinh Pháp Tập chép: “Tất cả các pháp đều hiện khởi do tâm, gọi là tâm tự tại, tức là thông suốt thức thứ tám. Thức đó có công năng biết tất cả, đó là nhất tâm gọi là tâm tự tại, là thâm nhiếp tâm sở, quy về tâm vương”.

Còn Nhiếp luận chép: “Ở trong tự tại chuyển vận tâm đó gọi là tâm tự tại. Sự chuyển vận này tức là thông suốt thức thứ tám, có khả

năng chuyển vận là định, hoặc cũng chung cho trí. Hoặc tâm tự tại chuyển vận tức là có cả tâm vương, tâm sở”. Chúng cụ tức là bốn trần làm thể, ăn mặc tài vật tất cả mọi thứ gọi là chúng cụ.

Luận chép: “Đối với các thứ uống ăn, các điều kiện sinh sống đều đầy đủ, tùy ý ưa thích thường được chứa nhóm”. Nghiệp tức là tự, cho nên chỉ tạo các nghiệp lành. Sinh tự tại, sinh chung cho năm uẩn, hễ sinh ra nơi nào đều được như ý muốn mà được thọ sinh. Thắng giải tự tại, trong kinh Tát-già-ni-kiền Tử gọi là như ý tự tại, tức là dùng thắng giải số làm thể.

Luận Vô Tánh chép: “Nghĩa là từ nơi đất cát phát khởi thắng giải khiến cho trở thành vật báu”. Nguyên tức là lấy giải dục tín làm thể, kinh Tát-già-ni-kiền Tử chép: “Là tín tự tại hoặc trí hậu đắc làm thể của nguyên tự tại”. Thần lực tự tại tức là sáu thứ thần thông, trong kinh Tát-già-ni-kiền Tử gọi là nguyên tự tại, tức là hiển bày thần thông biến hiện mọi vật khiến cho tùy nguyện thành tựu. Vì vậy kinh ấy chép: “Ngay lúc tâm sinh hiện tiền thành tựu tất cả các việc gọi là nguyên tự tại”.

Luận Vô Tánh chép: “Nghĩa là tùy ý thích dẫn dắt phát khởi các thứ thần thông tối thắng”. Trí tự tại là duyên trí âm thanh, lấy từ vô ngại giải làm thể, trong Vô Tánh chép: “Nghĩa là tùy tất cả các thứ ngôn ngữ âm thanh nên trí cảnh hiện bày”. Pháp tự tại lấy pháp vô ngại giải làm thể.

Luận Vô Tánh chép: “Tùy ý ưa thích mà giảng nói hợp với kinh, ứng với tụng v.v...” Hoặc mười tự tại đều lấy trí làm thể, đều là trí dụng, bởi từ sáu độ thành tựu thắng trí này. Ba là biện nhân, theo luận Vô Tánh: “Do pháp thí, vô úy thí và tài thí trọn vẹn, như sở ứng đó nên đạt được quả này”. Chính xác tức là như dưới đây thường cùng với Thọ, Tâm, Chúng cụ tự tại làm nhân. Như trong kinh Tát-già-ni-kiền Tử chép: “Mau lìa bỏ sát sinh, không còn tâm nóng giận độc hại, đó là nhân của mạng tự tại”.

Nhiếp Luận y theo Pháp thân mạng, Tát Già y theo Ứng hóa mạng. Lại lìa bỏ các sự giết hại v.v... cũng là pháp thí. Từ bi là nhân của tâm tự tại, ý này chép: “Bởi vì từ bi nên thường thí vô úy”. Giới là nhân của nghiệp sinh tự tại.

Kinh Tát-già-ni-kiền Tử chép: “Đem tâm Bồ-đề thâu nhiếp các gốc lành, đó là nhân của sinh tự tại”. Nhân là nhân của thắng giải tự tại, kinh Tát-già-ni-kiền Tử cho rằng cúng dường bố thí làm nhân của thắng giải, ý nói yên lòng chịu khổ nhẫn nại có thể giải thoát, ý trong Nhiếp

Luận nói là Nhân xưa kia luôn thích tu nhân, tùy theo tâm ưa thích của các hữu tình mà chuyển, nay gạt hái được tùy thắng giải chuyển nơi các kim địa. Tinh tấn là nhân của nguyện tự tại, ý này là do siêng năng thành tựu đầy đủ sở nguyện.

Kinh Tát-già chép: “Thường nói về Tam Bảo giáo hóa chúng sinh, đó là nhân của tín tự tại”. Đã nói là Thường Nói, cũng chính là siêng năng, khiến cho người khác sinh khởi niềm tin, không còn phỉ báng giáo pháp. Vô úy tinh lự tức là nhân của lực tự tại.

Kinh Tát-già chép: “Vừa sinh ra mong cầu tức thời liền ban cho, đó là nhân của nguyện tự tại”. Bát-nhã là nhân của trí và pháp tự tại.

Luận Vô Tánh chép: “Do nhân xưa kia thường ưa thích tu hạnh tuệ, tùy theo âm thanh của loài đó mà nói pháp cho nghe, nay chứng được Bát-nhã thù thắng, khéo biểu đạt ngôn ngữ thanh âm tài tình giảng nói chánh pháp”.

Hoặc kinh Tát-già chép: “Thường thực hành pháp thí không vì lợi dưỡng gọi là văn cung kính, là nhân của trí tự tại, thường nói cho chúng sinh nghe về pháp chân như bình đẳng của các Đức Như lai và các chúng sinh, tự thể Pháp thân không phải là thân ăn uống, đó là nhân của pháp tự tại”. Ý đồng với Nhiếp Luận.

Về phước lập, trong kinh Pháp Tập quyển ba, kinh Tát-già quyển sáu đều chép: “Vì dứt trừ mười sợ hãi”. Theo đây chính là vì có thể đối trị mười sợ hãi cho nên mong cầu mười tự tại.

Kinh Tát-già chép: “Đại Vương nên biết rằng đạt được mạng tự tại do đó đối trị tất cả mọi nỗi sợ hãi sinh tử, đạt được tâm tự tại do đó đối trị tất cả mọi nỗi sợ hãi phiền não, đạt được vật tự tại do đó đối trị tất cả mọi nỗi sợ hãi nghèo nàn, đạt được nghiệp tự tại do đó đối trị tất cả mọi nỗi sợ hãi đường ác”.

Trong kinh Pháp Tập nói trừ nỗi sợ hãi ác hạnh, kinh đó y theo trừ Nhân, kinh này nói theo trừ Quả. Trong kinh Pháp Tập nói trừ nỗi sợ đường ác, kinh đó là nói theo Quả, kinh này nói theo sự trói buộc. Không được sinh trong tự tại, là vì sinh trong ràng buộc, đạt được sinh tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi sinh trong ràng buộc; đạt được như ý tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi tiến cầu, đạt được tín tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi phỉ báng chánh pháp, đạt được nguyện tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi tâm niệm trói buộc, đạt được trí tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi nghi ngờ, đạt được pháp tự tại do đó đối trị tất cả nỗi sợ hãi đại chúng.

Lại giải thích: Nói về pháp tự tại đó là nói pháp tự tại. Đã nói “tùy

theo ý chúng sinh” cho đến nói “Nói pháp tương ứng hiện các thứ thân”, do đó biết rằng hiện thân nói pháp cho chúng sinh nghe khiến đạt được lợi ích, tức trong kinh Pháp Hoa chép: “Chỉ vì một việc lớn”. Nói pháp tự tại có mười bốn thứ:

1. Nói pháp tự tại.
2. Thanh tịnh.
3. Lạc thuyết.
4. Trí.
5. Sinh.
6. Tam-muội.
7. Trú trì.
8. Quyển thuộc.
9. Kiến.
10. Văn.
11. Tỷ.
12. Thiệt.
13. Thân.
14. Tâm.

Kinh Pháp Tập quyển bảy chép: “Vì sao nói là nói pháp tự tại? Vì đối với tất cả ngôn ngữ không mê đắm, đây là không hòa vào pháp sở thuyết.

Thế nào là thanh tịnh tự tại? Vì đối với tất cả nơi chốn không nhiễm, không chỉ đối với pháp sở thuyết mà đối với tất cả đều không mê đắm.

Thế nào là Lạc thuyết tự tại? Nghĩa là y theo câu chữ của một pháp không hề ngưng nghỉ, trong trăm ngàn muôn kiếp nói không thể hết được, phân tích không hề hết được.

Thế nào là Trí tự tại? Đối với câu chữ của mỗi pháp năng thuyết, là trăm ngàn muôn pháp môn cho nên phân tích ý nghĩa rất dồi dào.

Thế nào là Sinh tự tại? Vì tùy theo lợi ích chúng sinh mà đối với nơi sinh ra tất cả mọi loài, tùy theo nơi chốn hiện bày thân. Hai lần nói Tùy theo nơi chốn là nói chẳng phải một, ngoài ra theo đây có thể biết.

Thế nào là Tam-muội tự tại? Vì ở trong từng niệm nếu muốn nhập Tam-muội liền có thể nhập Tam-muội.

Thế nào là Trụ tự tại? Vì tùy theo từng chỗ, từng chỗ trụ trì, đó là hoặc hươu nai hoặc chim thú hoặc cỏ cây, hoặc tường vách, có thể nói diệu pháp của các Đức Phật, tức là trụ trì ở đó khiến có thể nói pháp.

Thế nào là quyền thuộc tự tại? Nghĩa là vô lượng quyền thuộc không thể phá hoại quyền thuộc.

Thế nào là Kiến tự tại? Nghĩa là vì thấy được sắc màu vi diệu.

Thế nào là Văn tự tại? Nghĩa là vì nghe được âm thanh vi diệu.

Thế nào là Tỷ tự tại? Vì ngửi được tất cả hương chỉ là hương pháp vi diệu.

Thế nào là Thiệt tự tại? Nghĩa là vì ăn vị pháp không ăn vị của thức ăn.

Thế nào là Thân tự tại? Nghĩa là thành tựu Pháp thân, chẳng phải thân nuôi bằng thức ăn.

Thế nào là Tâm tự tại? Vì cho đến muôn mòng, sâu kiến đều biết hạnh biết tâm của chúng. Vì vậy thấy sáu căn có dụng thù thắng.

Trong đây, hai thứ lớp tại đầu là Sở thuyết bất nhiễm, tiếp theo hai thứ là năng thuyết, tiếp theo một thứ là hiện thân, tiếp theo một thứ là nhập định, tiếp theo một thứ là thêm vào đầy đủ các điều khác, tiếp theo một thứ là tùy thọ Hóa thân, tiếp theo sáu là hiển bày các căn. Sinh ở trước là tổng tướng giả thân, sáu thứ sau này là biệt tướng thật thân. “Tùy ý chúng sinh, tùy hạnh chúng sinh” trong kinh này tức là tâm tự tại, tùy tiểu phần giới chúng sinh bởi vì giới có cả hai nghĩa, khiến cho giữ lấy cảnh nên nói là tiểu phần, tức là tùy nơi những lợi ích của chúng sinh mà hiện bày các thứ thân, tức là tùy theo nơi đó mà vì đó hiện thân.

Cùng xứ tương ứng, không đợi thời tương ứng, thuộc về Tam-muội tự tại, hành tương ứng tức thuộc về tâm tự tại.

Trong luận Nhiếp Đại Thừa quyển chín chép: “Lại nữa, Pháp thân do mấy thứ lớp tại mà được tự tại, sơ lược do năm thứ:

1. Do cõi Phật, tướng tốt tự thân, vô biên âm thanh, vô kiến đánh tướng tự tại, bởi vì chuyển đổi theo Sắc uẩn.

2. Do không tội lỗi, rộng lớn vô lượng, lạc trú tự tại, bởi vì chuyển đổi theo Thọ uẩn.

3. Do biện thuyết tất cả danh thân, cú thân, văn thân tự tại, bởi vì chuyển đổi theo Tưởng uẩn.

4. Do hiện hóa, biến đổi dẫn nhiếp đại chúng, dẫn nhiếp tự pháp tự tại, do chuyển đổi theo Hành uẩn.

5. Do viên cảnh, bình đẳng, quán sát, thành sở tác trí tự tại, do chuyển đổi theo Thức uẩn”. Giải thích rộng như trong luận ấy.

Văn kinh: Năng lực tự tại nên tùy ý chúng sinh, tùy hạnh chúng sinh, tùy cõi chúng sinh thấy đều biết rõ.

Tán rằng: Rõ cảnh biết ý, biết tâm thể. Hoặc là thắng giải biết hạnh chúng sinh, biết hạnh khác nhau, hoặc nghiệp, hoặc chúng sinh thú hưởng cùng khắp. Hành chúng sinh giới tức là các loại tánh, đều có khả năng biết rõ.

Văn kinh: Không đợi thời, không quá thời, xứ tương ứng, thời tương ứng, hành tương ứng, nói pháp tương ứng, hiện bày các thứ thân.

Tán rằng: Giáo hóa chúng sinh. Không đợi thời là căn tánh chúng sinh thành thực nên lập tức hiện thân nói pháp không chọn lựa thời tiết. Không quá thời nghĩa là không vượt qua thời gian Ứng Hóa này. Xứ tương ứng v.v... là Như lai nói pháp là tứ phi, xứ tương ứng là phi xứ, thời tương ứng là phi thời, hành tương ứng là phi cơ, nói pháp tương ứng là phi pháp, nghĩa là ứng với xứ này, thời này, các căn tánh này, nên dùng pháp này chắc chắn tương ứng. Hiện các thứ thân tức là tám tướng, hoặc hiện bày thân Phật hiện tại và sau khi Niết-bàn. Không nói: Bởi vì biết bao ý của đệ tử nên hiện bày các thứ tướng. Trong bốn câu này nên nói: Hiện tại và sau khi Niết-bàn, dùng nguyện tự tại tùy duyên lợi ích, đó gọi là Hóa cho nên gọi chung là các thứ thân.

Văn kinh: Đó gọi là Hóa thân. Đó gọi là Hóa thân là kết thúc cả hai.

Văn kinh: Này người thiện nam! Vì sao nói Bồ-tát hiểu rõ Ứng thân?

Tán rằng: Nói về Ứng Phật trong toàn văn cũng có ba phần. Đây là bắt đầu hỏi.

Văn kinh: Nghĩa là các Đức Như lai muốn cho các Bồ-tát được thông suốt nên nói về Chân-đế.

Tán rằng: Trả lời dưới đây. Trong trả lời lẽ ra phải có Tu Nhân. Vì trong Hóa thân nói về Tu nhân cho nên ở đây lược bỏ không nói, phỏng theo mà hiển bày, là vì câu chung cho nên cần phải phân ra giữ lấy văn đó. Nay chỉ nói về quả, trong quả chia làm hai:

Đầu tiên là nói pháp, sau đó hiện thân. Đây là nói pháp. Trong nói pháp có hai phần:

1. Lợi sinh.
2. Lợi pháp.
- Trong phần một có ba mục:
 1. Nói về cảnh Chân-đế.
 2. Nói về quả Niết-bàn.
 3. Nói về nhân sở hành.

Bởi vì trước tiên nói về cảnh khiến cho thông suốt cảnh đó, thông

chân đạt chân tục.

Tiếp theo nêu rõ quả đó khiến cho người đó ưa thích mong cầu, sau cùng khiến cho dứt trừ chướng ngại, tu nhân khắc chứng. Đây là nói về cảnh. Cảnh là các Đức Như lai nói về người năng thuyết, các Bồ-tát rõ ràng là sở bị cơ, được thông suốt cho nên hiểu rõ ý nói. Nói Chân-đế là nói về sở thuyết, là khiến cho Bồ-tát phát khởi trí căn bản, chung khởi trí hậu đắc. Nói về Chân-đế là nói theo tối thắng, lý thật cũng là nói về tục đế, bởi vì chân, tục nương nhau mà kiến lập. Hoặc ở đây lại nói theo hai thứ nhân, pháp, ngoài ra đối với cái biết của Bồ-tát gọi là chân, đối với các ngã, pháp gọi là chân.

Văn kinh: Vì giúp cho hiểu rõ sinh tử, Niết-bàn là đồng một vị.

Tán rằng: Nói về quả. Quả chia làm hai thứ: Hữu vi và Vô Vi. Vô vi là gốc nên chỉ nói về nó. Quả chia làm bốn thứ, tức là bốn Niết-bàn. Tự tánh thanh tịnh không do đoạn chứng cho nên không nói, hoặc tức là thuộc về Chân-đế, hữu dư vô dư có cả ba thừa, chẳng phải tối thắng vì thế cũng lược bỏ không nói. Chỉ có vô trụ xứ là riêng Đại thừa đạt được, có lợi ích chúng sinh tốt đẹp, cho nên trong quả chỉ nói về loại này, nghĩa như trước đã giải thích.

Văn kinh: Vì dứt bỏ thân kiến, chúng sinh sợ hãi vui mừng.

Tán rằng: Nói về trừ chướng tu nhân. Bởi vì từ vô thủy bị ngã kiến trói buộc do đó không thể hiểu rõ. Nếu như có thể hiểu rõ về sinh tử thì lại sinh sợ hãi, đối với Niết-bàn sinh ra ưa thích không thể lợi ích tất cả, lại vì ngã chấp là gốc của các chướng. Nhưng ngã kiến này tuy có cả hai thức sáu và bảy mà ý là trừ thức thứ quyển bảy, vì chướng ngại cho vô trụ thắng, lại là gốc của đấm nhiễm. Cho nên trong luận Thành Duy Thức giải thích về bình đẳng trí rằng: “Trí diệu quán sát kiến lập từ bất cộng, sở ý, vô trú, Niết-bàn, một vị nối nhau, cùng tận mé vị lai”.

Văn kinh: Vì vô biên Phật pháp mà làm cội gốc.

Tán rằng: Đây là lợi pháp. Ý lợi sinh là làm cho pháp tồn tại lâu dài cho nên nói: Làm cội gốc.

Văn kinh: Như thật tương ứng, Như như, Trí như như, bốn nguyện lực cho nên thân đó được hiện bày.

Tán rằng: Dưới đây là hiện thân có hai: Đầu tiên là hiện thân, sau đó nói về trang nghiêm. Đây là hiện thân. Nói Như thật tức là chân như. Tương ứng là năng chứng sở chứng, đều không còn hai. Thủ là tương ứng, tương ứng nghĩa là tương tự. Đây là câu nêu chung, như như, trí như như là câu nêu riêng. Chân tánh hai không gọi lập là Như như, trí thấu đạt hai Không gọi là Trí như như. Vì năng lực Bốn nguyện là nói về lý

do hiện thân. Trí như và cảnh Như đều không còn phân biệt, nhân đâu mà hiện thân? Nhân nơi năng lực bốn nguyện.

Thành Duy Thức chép: “Do ngày xưa tương ứng hạnh lợi tha, thành tựu nhân duyên cõi Phật thanh tịnh vô lậu v.v...”. Cõi đã do ngày xưa, hiện thân cũng giống như vậy.

Hỏi: Ứng thân này trong hai thân thọ dụng là thuộc về thân nào?

Đáp: Tha thọ dụng thân.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Sơ lược có bốn điều chứng minh:

1. Văn này nói “Do như như, trí như như bốn nguyện lực, cho nên thân này có thể hiện rõ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vì như tự thọ dụng công đức tướng tốt thấy đều vô biên”.

2. Ở dưới nói: “Hai thân giả danh không thật, niệm niệm sinh diệt, bất định trú nên lần lượt xuất hiện, vì thế Tự thọ dụng không lần lượt xuất hiện”.

3. Dưới lại nói: “Thân Phật thứ hai vì ứng theo một ý của đệ tử cho nên hiện bày một tướng; Tự thọ dụng thân không đối với đệ tử”.

4. Dưới chép: “Ứng thân, chẳng phải Hóa thân là thân Địa tiền”.

Hỏi: Nếu là Tha thọ dụng vì sao nói “Dưới nói Ứng thân”, từ vô thỉ đến nay nối nhau không đứt quãng, tất cả các pháp bất cộng của các Đức Phật có thể nhiếp trì, chúng sinh vô tận, dụng cũng vô tận, thân tha thọ dụng đã thị hiện diệt độ, làm sao có thể nói vô thỉ nối nhau có thể nhiếp trì các pháp bất cộng?

Đáp: Nói nối nhau là nói theo phần nhiều, không giống như Hóa thân qua trăm ngàn kiếp mới xuất hiện một lần. Các Hóa thân trong văn cũng nói là “thường xoay bánh xe pháp”, há thường còn không diệt độ hay sao?

Hỏi: Nếu vậy thì Tự Thọ dụng há không phải là ba bất nhiếp ư?

Đáp: Không phải ba bất nhiếp, vì đó là Pháp thân.

Hỏi: Làm cho biết được?

Đáp: Đến trong phần Pháp thân sẽ dẫn chứng nói rộng hơn.

Văn kinh: Đây đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vầng ánh sáng tròn sau lưng.

Tán rằng: Nói về trang nghiêm.

Hỏi: Nếu là Tha thọ dụng thì tướng tốt phải nhiều, vì sao chỉ nói ba mươi hai tướng v.v...?

Đáp: Tha thọ dụng thân có hai thứ:

1. Thân ở địa vị bốn góc lành nhìn thấy.

2. Thân do Bồ-tát Địa thượng nhìn thấy.

Nay ở đây chỉ nói đến thân ở địa vị bốn góc lành nhìn thấy.

Hỏi: Nơi khác thường nói: “Vì Địa tiền hiện bày gọi là Hóa thân”, đâu gọi là thọ dụng?

Đáp: Vì Địa tiền hiện bày gọi là Hóa thân là nói về thân mà người trong ba thừa cùng thấy, không phải cái thấy của người bốn góc lành và Bồ-tát. Nếu không phải là Địa tiền vì sao ở dưới chếp: “Ứng thân chẳng phải Hóa thân là thân Địa tiền”.

Hỏi: Do đâu biết được thân Phật thấy được ở địa vị bốn góc lành không phải là thân mà ba thừa cùng thấy?

Đáp: Theo kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới chếp: “Nay ta là Lô-xá-na, đang ngồi đài hoa sen, ngàn cánh hoa xung quanh, lại hiện ngàn Thích-ca, một hoa trăm ức nước, mỗi nước một Thích-ca, đều ngồi cây Bồ-đề, cùng lúc thành Phật đạo”. Đã nói trên ngàn hoa lại hiện rõ ngàn vị Thích-ca, một hoa có trăm ức cõi nước, mỗi cõi nước có một Đức Thích-ca; nếu không phải cái thấy của hàng bốn góc lành và Bồ-tát, thì có thân nào nói là ngàn vị Thích-ca?

Hỏi: Lô-xá-na này là Địa nào thấy?

Đáp: Có chỗ nói: Thân của Bồ-tát Sơ Địa nhìn thấy. Nay giải thích: Đây là thân của Bồ-tát Nhị Địa nhìn thấy:

1. Nói là Giới Ba-la-mật.

2. Nói là ngàn trăm ức cõi. Hoặc Bồ-tát Sơ Địa thấy “trăm ức” mà không thấy “thiên”.

Hỏi: Thập Địa, Du-già chếp: “Nếu lúc tác ý thì thấy vô biên cõi nước” sao không thể nói “ngàn trăm ức cõi nước”. Nếu vậy vì sao nói “Bồ-tát Sơ Địa được thập bách môn?”?

Đáp: Nếu nói y theo tác ý thì ứng vô lượng cõi, đâu chỉ là ngàn trăm ức, huống gì lại là Bồ-tát Nhị Địa được trăm ngàn môn? Nay nói trăm ngàn ức, chính là tương đương với nhau, đâu nhọc gì phải hiểu khác.

Văn kinh: Đó gọi là Ứng Thân.

Tán rằng: Kết thúc.

Văn kinh: Nay người thiện nam! Vì sao Bồ-tát Ma-ha-tát hiểu rõ Pháp thân?

Tán rằng: Nói về Pháp thân. Văn có ba phần như trước. Đây là mở đầu, hỏi.

Văn kinh: Vì dứt các phiền não, các chướng, vì đầy đủ các pháp lành.

Tán rằng: Chính thức giải thích có hai phần: trước nói về những việc làm, sau nói về thân đạt được.

Đây là mở đầu.

Cần phải nói đến Tu nhân, văn lược bỏ không nói, như trước đã giải thích. Pháp thân này có hai thứ:

1. Tự Tánh Pháp thân.
2. Công đức Pháp thân.

Nay bao gồm cả hai. Vì dứt các phiền não, các chướng, rõ ràng là đạt được tự tánh Pháp thân. Vì đầy đủ các pháp lành cho nên nói là đạt được công đức tự tánh Pháp thân. Tức là tịnh pháp giới bốn trí tâm phẩm gọi chung là Pháp thân. Năng chứng, sở chứng hợp lại gọi là Pháp thân. Phật Giả, Phật Thật hai loại có khác nhau, chia ra Ứng Hóa. Không như thế thì nhóm hợp Ứng, Hóa cũng gọi là Pháp thân, vì vậy Thành Duy Thức chép: “Pháp thân như vậy có ba tướng khác nhau”.

Văn kinh: Chỉ có Như như, Trí như như đó gọi là Pháp thân.

Tán rằng: Nói về đạt được Pháp thân. Như như tức là tự tánh Pháp thân. Trí như như tức là bốn trí tâm phẩm. Tuy về sự thì trí phẩm không duyên theo chân như, bởi vì lìa năng sở thủ, do trí như như khởi nên gọi chung là trí như như. Do đó tiếp theo ở dưới nói rằng “cho nên pháp như như, trí như như gồm nhiếp tất cả Phật pháp”, nếu chỉ là Như thì không thấu nhiếp tất cả. Lại giải thích: Hóa thân như trước, Ứng thân xuyên suốt thấu nhiếp hai thân Tự thọ dụng và Tha thọ dụng; Pháp thân chỉ là Tự Tánh chân như. Nói Như như tức là Như thật tướng Bát-nhã.

Còn luận Đại Trang Nghiêm và Tam tạng Chân-đế nói có bốn giác: “

1. Ứng giác, tức là chân như.
2. Chánh giác, tức là trí tuệ.
3. Giác phần tức là nhân Bồ-đề.
4. Linh giác tức là Giáo năng thuyên”.

Giới hạn (biên) các pháp thể gọi là Như như, giới hạn trí tánh gọi là trí Như như. Cho nên văn dưới nói “Ứng thân từ vô thủ đến nay nối nhau không đứt quãng, thường nhiếp trì tất cả pháp bất cộng của các Đức Phật, chúng sinh vô tận, dụng cũng vô tận, vì thế nói Thường v.v...”. Rõ ràng cũng chung với thân Tự thọ dụng.

Ở dưới nói: “Pháp thân chẳng phải hành pháp, không có tướng khác nhau, vì đó là căn bản giống như hư không, cho nên nói là Thường”. Đã nói chẳng phải là hành pháp thì rõ ràng chẳng phải bốn trí, vì bốn trí sinh diệt là hành pháp. Lại giải thích: Theo văn trên dưới và Nhiếp Đại

Thừa v.v... thì nói chung tức như trước đã giải thích, nay trong kinh này giải thích chung cả hai nghĩa. Nếu trong bốn câu v.v... tức là phần khác của Tự thọ dụng và Tha thọ dụng mà rõ ràng bốn câu không như thế, Ứng thân không phải Hóa thân đó là thân Địa tiền, Hóa thân cũng Ứng thân nghĩa là thân trụ nơi Niết-bàn hữu dư. Hoặc Tự thọ dụng không gọi là Hóa thân, cho nên Tự thọ dụng đồng gọi là Pháp thân. Vì chỗ này vẫn dưới chép: “cho nên Pháp thân là do tuệ thanh tịnh, là do diệt thanh tịnh, đó là hai thanh tịnh, vì thế cho nên Pháp thân đầy đủ thanh tịnh”. Hoặc cả hai Trí, Lý hợp lại gọi là Pháp thân tức là Tánh Tướng hợp luận môn. Hoặc chỉ lấy Như gọi là Pháp thân tức là Tánh Tướng luận riêng môn. Hoặc Tự thọ dụng thuộc về Ứng thân, tức là Giả Thật Tự Tha thọ dụng nhị hợp luận môn. Hoặc Ứng thân chỉ là thân Tha thọ dụng, tức Giả Thật luận riêng môn. Vì vậy biết rằng nghĩa của các thuyết không trái nhau.

Vấn kinh: Hai loại thân trước là giả danh mà có, thân thứ ba này là chân thật mà có, làm cội gốc cho hai thân trước.

Tán rằng: Dưới đây là các môn phân biệt, có chín môn: Thứ nhất Giả: Thật phân biệt môn, Nhị lợi phân biệt môn, Hữu dư vô dư đẳng phân biệt môn, Trị chướng phệ lập môn, Tam thủ đồng biệt môn, Nhất đa phân biệt môn, Năng sở tương y môn, Thường vô thường môn, và Tứ cú phân biệt môn. Ngay nơi giả thật này vẫn chia làm năm:

1. Tiêu.
2. Thích.
3. Trưng.
4. Giải.
5. Kết.

Đây là vấn hai phần đầu. Vì làm cội gốc hai thân trước, y theo trước giải thích về ba thân, Pháp thân đồng thời thuộc về trí, tức là phân biệt rõ Biến Hóa thân về Tha thọ dụng, là giả danh Phật do Biến hóa khởi lên. Lấy Như làm gốc, từ trí biến khởi, cho nên làm cội gốc cho hai thân trước. Hoặc dựa vào Pháp thân chỉ thâu nhiếp như như, trí như như, là gốc không từ nơi khác khởi, cho nên được gọi là Thật. Ứng thân nương vào pháp mà khởi, Hóa thân nương vào ứng thân mà khởi, vì vậy hai thân trước đều là giả có.

Vấn kinh: Vì sao như vậy?

Tán rằng: Nêu câu hỏi. Vì lý do gì mà Pháp thân nương vào hai thân đó?

Vấn kinh: Bởi lẽ pháp như như, lẽ trí vô phân biệt thì tất cả các

Đức Phật không có pháp khác.

Tán rằng: Giải thích. Trước trở lại giải thích, tiếp theo lần lượt thành tựu.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: Tất cả các Đức Phật đầy đủ trí tuệ, tất cả phiền não diệt sạch tận cùng, đạt đến Phật địa thanh tịnh.

Tán rằng: Lần lượt thành tựu. Kinh Thắng-man chép: “Ở trong ràng buộc gọi là Như lai tạng, ra khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân”. Nay ở đây nói trí tuệ đầy đủ, tức là Trí như như, diệt sạch tất cả tức là Pháp như như; vì vậy có đủ hai thứ.

Văn kinh: Cho nên pháp như như, trí như như, thân nhiếp tất cả Phật pháp.

Tán rằng: Kết thúc thành tựu. Có thể biết Pháp thân tịnh diệu của Như lai tức là chân như, là chỗ nương của ngộ, mê, cho nên là hai gốc.

Văn kinh: Lại nữa, này người thiện nam! Tất cả các Đức Phật lợi ích Tự, Tha đến chỗ rốt ráo.

Tán rằng: Thứ hai - Nhị lợi phân biệt môn. Trong đó có hai phần:

1. Phân biệt rõ hai lợi ích.

2. Này người thiện nam! Vì sao nói pháp như như trở xuống là giải thích tình ý nghi ngờ.

Trong phần một lại có hai: Đầu là pháp, sau là dụ.

Trong pháp có ba: trước tiên nêu ra, kế đến giải thích, sau cùng kết thúc. Đây là nêu ra. Nói lợi ích Tự, Tha đến chỗ rốt ráo ấy tức là từ Tự lợi cho đến Phật vị gọi là rốt ráo. Có hàng ba thừa khiến cho đạt được quả rốt ráo, người vô tánh thì đồng với cùng tận, không nhập Niết-bàn mà vì đó lợi ích cũng gọi là rốt ráo.

Văn kinh: Tự lợi ích là pháp như như, Tha lợi ích là trí như như.

Tán rằng: Giải thích. Đầu tiên giải thích về hai lợi ích, sau đó giải thích lý do.

Đây là mở đầu.

Như như ngưng tụ vắng lặng phần nhiều là tự lợi, như trí khởi động tác dụng phần nhiều là lợi tha. Trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép: “Nếu lấy Pháp thân làm Ứng thân Phật, thì có nghĩa chúng sinh không có lợi ích; nếu đem Ứng thân làm Pháp thân Phật, thì có nghĩa hiện đời không có an vui”.

Hỏi: Các thuyết về hại lợi có ba điểm khác nhau:

1. Luận Tạp Tập chép: “Hai lợi Tự Tha là sở y chỉ”, Duy Thức cũng thế: “Tự Tánh Pháp thân chính là chỉ có Tự lợi cũng bao gồm lợi tha, có cả hai lợi. Tự thọ dụng biến hóa là Sở y chỉ, Tự thọ dụng thân là Tự lợi, Tha thọ dụng biến hóa là Lợi tha, là vì người khác hiện bày”.

2. Kinh Vô Thượng Y và luận Bảo Tánh chép: “Pháp thân là Tự Lợi; Ứng, Hóa thân là lợi tha”.

3. Kinh này vì sao như thế?

Đáp: Tạp tập và Duy Thức chép: Tự Tánh Pháp thân chung cho hai lợi là dựa vào tất cả lý mà luận. Vô Thượng Y và Bảo Tánh là y theo Tự Tánh Pháp thân chính dụng, nên nói rằng Tự lợi, Ứng, Hóa lợi tha là dựa vào Tha thọ dụng gọi là Ứng Phật, vì vậy đều là Lợi tha. Như như trong kinh này đồng với kinh Vô Thượng Y. Trí như như lợi tha dựa theo Bình đẳng tánh và thành sự trí khởi lên hai thân Phật Tha thọ dụng và Biến hóa, nên nói là lợi tha. Luận Tạp Tập chép: “Ứng thân là tự lợi” đó là nói theo Tự thọ dụng gọi là Ứng thân. Luận Thành Duy Thức y theo Ứng thân có cả hai thọ dụng, do đó trở thành hai lợi, y theo một nghĩa đều không trái phạm nhau.

Hỏi: Lợi ích người khác là trí như như sao không nói là Ứng, Hóa?

Đáp: Có hai cách giải thích:

1. Nói rằng: Đưa ra Thể năng biến là hai trí, là thể lợi tha; thân sở khởi chỉ là sắc, vì cái dụng lợi tha do đó không bàn đến. Các luận như Duy Thức v.v... nói Tha dụng, Biến hóa gọi là Lợi tha, là y theo dụng mà nói về sở biến. Kinh Đại phẩm Bát-nhã chép: “Hóa Phật là vô tâm vì sao nói nghĩa phân biệt phá hoại các pháp, phá hoại sự mở bày”. Hoặc hai thân này là quả trí ấy nói về danh trí ấy, thật là Ứng, Hóa, nếu không như vậy thì ở phần dụ sau có đôi chút không giống nhau.

2. Nói rằng: Đây là y theo bốn trí cũng là Pháp thân, chân như nội tịch nói là tự lợi, trí có ngoại dụng, nói là lợi tha. Không nói về Ứng, Hóa nghĩa giống như thuyết trước.

Văn kinh: Có thể ở nơi sự lợi tha của tự tha mà đạt được tự tại, thành tựu các thứ công dụng vô biên.

Tán rằng: Giải thích lý do. Do ba thân này đối với lợi ích tự tha đều được tự tại, đều thành tựu các thứ công dụng vô biên. Vì vậy, trong luận Thành Duy Thức chép: “Như thế ba thân tuy đều đầy đủ công đức vô biên nhưng đều có sự khác nhau”. Nói “Mà đạt được tự tại”, tự tại có ba thứ, như luận Tạp Tập mười hai chép: “Y chỉ tự tại tu tập cũng có ba thứ:

1. Thân tự tại, tức là tự tánh thân và thọ dụng thân.
2. Hành tự tại, tức là Biến Hóa thân.
3. Thuyết tự tại, nghĩa là thường nói về sáu Ba-la-mật v.v...”

Đã duyên đây, mong cầu đây, y chỉ đây, mong cầu đây, cho nên biết thân Phật có ba tự tại, vì thành tựu vô biên công dụng của hai lợi tự- tha.

Văn kinh: Vì thế cho nên phân biệt tất cả Phật pháp có vô lượng, vô biên các thứ khác nhau.

Tán rằng: Kết thúc. Tất cả Phật pháp tức là ba thân Phật. Kinh Đại Phẩm chép: “Ra khỏi ba cõi cho nên vô lượng, vượt quá mười phương do đó vô biên”. Nghĩa của dụng rất nhiều gọi là các thứ khác nhau.

Văn kinh: Nay người thiện nam! Giống như y chỉ vào vọng tưởng suy nghĩ nói về các thứ phiền não, nói về các thứ nghiệp dụng, các thứ quả báo.

Tán rằng: Dưới đây nương vào thí dụ mà hiển bày có hai: Đầu tiên hai dụ là dụ cho hai lợi, tiếp đó một hiển bày sự trang nghiêm. Phần đầu lại chia hai: Trước một dụ hợp hiển bày công dụng lợi tha, như Kinh Pháp Hoa chép: “Trong hai mươi mốt ngày suy nghĩ việc như vậy”. Nói vọng tưởng là dụ cho Thật không suy nghĩ mà giả khởi suy nghĩ. Nói các thứ phiền não dụ cho Hóa thân, vì Nhị thừa nói về các thứ phiền não. Các thứ nghiệp là dụ cho khởi lên Ứng thân vì hàng Bồ-tát nói về các thứ nghiệp. Các thứ quả báo là dụ cho khiến người khác đã nghe pháp rồi đạt được quả thế gian và xuất thế. Hoặc dụ này nói về dứt trừ ba chướng, do đó thành tựu ba thân. Nói về các thứ phiền não khiến đạt được Ứng thân, nói về các thứ nghiệp khiến đạt được Hóa thân, nói về các báo khiến đạt được Pháp thân. Vì vậy văn dưới chép: “Hoặc chướng thanh tịnh thường hiện bày Ứng thân, nghiệp chướng thanh tịnh thường hiện bày Hóa thân, trí chướng thanh tịnh thường hiện bày Pháp thân”. Quả báo thuộc về trí chướng. Tuy trong luận Phật Địa nói hai chướng đều có nghiệp sở phát và quả sở đắc, nay nói quả báo là dựa vào thói quen, hoặc là quả báo không còn thói quen mới hết.

Lại giải thích: Theo toàn văn ở dưới, nói về các thứ phiền não là dụ cho Đại thừa, vì Đại thừa là dư nghiệp sẵn có, dường như có nghi ngờ, có nghiệp quả. Nghiệp quả như kế sau dụ cho hàng Độc giác, Thanh văn, trên có thể thay đổi dưới, như Duyên giác thừa hóa độ Thanh văn. Quả báo dụ cho Thanh văn thừa. Nhưng lúc Độc giác thừa sắp đạt được quả thì không cần ngôn giáo. Sơ giải của Phát tâm trong tu hành vị chắc chắn nhờ đến ngôn giáo, vì thế trong kinh Pháp Hoa đều nói rằng “Từ

Phật nghe pháp”. Sơ giải dụ cho hiện thân, thứ giải dụ cho khiến đạt được thân, hậu giải dụ cho nói pháp cho người khác nghe. Đã quyết định là dụ cho lợi tha, ở đây giải thích tất cả lý lẽ. Trình bày rộng về lợi, dụng tức là có cả ba cách giải thích. Lại giải thích: Dụ hai lợi, dụng là chung, và dụ cho lợi tha tức là riêng, do đó có cả ba cách giải. Nhưng trong toàn văn chỉ hợp với lợi tha nói pháp, còn lại lược bỏ mà không hợp.

Văn kinh: Như thế, dựa vào pháp như như, dựa vào trí như như nói về các thứ Phật pháp, nói về các thứ Độc giác, nói về pháp Thanh văn.

Tán rằng: Pháp hợp. Người trong ba thừa căn tánh ý thích tất cả mọi thứ thấy đều khác nhau. Trong phương tiện vị thì chủng tánh, hành giải, thú nhập đều khác nhau, vì vậy nói rằng “các thứ Phật pháp”.

Văn kinh: Nương vào pháp như như, nương vào trí như như, tất cả Phật pháp tự tại thành tựu đó là bậc nhất không thể suy nghĩ bàn luận.

Tán rằng: Dưới là dụ hợp. Hiển bày dụng về tự lợi chia làm ba: đầu là pháp, tiếp đó là dụ, sau cuối là hợp.

Đây là mở đầu.

Hỏi: Trong dụ về lợi tha sao không nêu pháp trước, tiếp đến dụ, sau cuối mới là hợp?

Đáp: Vì pháp ở trước bỏ nên nói gần hơn, đồng thời lại giản lược. Nay ở đây là vì xa rộng hơn, cho nên trước tiên phải là pháp, tiếp theo dụ sau cùng là hợp.

Hỏi: Trong tự lợi ở trước chỉ nói tự lợi, đó là pháp như như, vì sao ở đây dụ về dụng của tự lợi đều là trí như như?

Đáp: Trước đây y theo ngưng tịch, pháp như như tự lợi thêm chỉ nói như như, nay nói bao gồm cả lợi tha, trí như như cũng vậy. Lại nữa, trước đây y theo trí như như vì dụng người khác hiện thân nói pháp cho nên thuộc về lợi tha, ở đây y theo đoạn chương nội chứng như như, tức là tự lợi, do đó không trái nhau, có giải thích ở phần kết trước, nghĩa cũng không trái.

Văn kinh: Giống như vẽ hư không để làm vật trang nghiêm thật khó mà nghĩ bàn.

Tán rằng: Dưới đây là dụ về trang nghiêm nêu ra dụ. Vẽ hư không để làm vật trang nghiêm như hư không không có tướng, vật trang nghiêm cũng không có tướng cho nên thật khó nghĩ bàn. Như như dụ cho hư không, trí như như dụ cho vẽ, hoặc như như là tánh, trí như như nghĩa là công đức, công đức trang nghiêm hư không đều là vô

tướng, thật khó nghĩ bàn.

Văn kinh: Như thế nương vào pháp như như, nương vào trí như như thành tựu Phật pháp cũng khó nghĩ bàn.

Tán rằng: Đưa ra pháp hợp. Như thế nương vào như như và nương vào trí như như thành tựu Pháp thân Phật pháp. Hoặc như như là tánh, trí như như nghĩa là công đức nghĩa. Công đức nghĩa chính là Pháp thân, nương vào Như mới có cho nên hợp cả hai để trình bày. Hoặc như Tam tạng Chân-để giải thích: Dụ vẽ hư Không ở trước và nêu ra pháp ở trước đều là ngoại nghi, nghi rằng: Như như và trí đều không phân biệt, vì sao đạt được Ứng, Hóa nói lợi, giống như vẽ hư không trở thành vật trang nghiêm, rất là khó hiểu khó tin. Nghĩa cũng không trái.

Văn kinh: Nay người thiện nam! Vì sao nói Pháp như như, trí như như cả hai không có phân biệt mà được tự tại thành tựu sự nghiệp?.

Tán rằng: Dưới đây giải thích tình ý nghi ngờ, có hai: Đầu tiếp tục nghi ngờ, sau thí dụ giải thích. Đây là tiếp tục nghi ngờ. Nghi ngờ có hai người:

1. Người xuất thế nghi.
2. Người thế gian nghi.

Lại là người học và người không học, cả hai người đều nghi ngờ.

Văn kinh: Nay người thiện nam! Giống như Như lai nhập Niết-bàn, vì nguyện tự tại cho nên tất cả sự nghiệp đều đạt được thành tựu.

Tán rằng: Dưới đây thí dụ để giải thích, có bốn thí dụ: hai dụ đầu là người xuất thế, hai dụ sau là người thế gian. Vì người xuất thế đầu tiên đưa ra thí dụ Phật diệt độ, không có phân biệt mà thường lợi tha; sau đó đưa ra thí dụ “Liệt hưởng gì là thắng”. Văn phần đầu có hai: Trước dụ, sau hợp. Đây là nêu ra thí dụ. Đưa ra hàng Nhị thừa ý là giải thích về Niết-bàn, nghĩa là Phật nhập diệt thì thân, trí không còn, cho nên đồng với Như như vô tướng, tin sau khi diệt độ thì sự nghiệp hóa độ được thành tựu. Giống như sau khi Niết-bàn lại khởi kim quan là hiện bày có đủ hai loại. Xá-lợi biến hóa các loại sự nghiệp nên đều được hiện bày, vì thế nêu ra làm thí dụ.

Văn kinh: Pháp như như, trí như như tự tại, thành tựu sự nghiệp cũng giống như thế.

Tán rằng: Pháp hợp có thể biết.

Văn kinh: Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát vào định vô tâm nương theo nguyện lực trước đây, từ thiện sinh ra thực hiện nhiều sự nghiệp.

Tán rằng: Thứ hai nêu ra thí dụ “Liệt hưởng gì là thắng”. Văn cũng có hai, đó là dụ và hợp.

Đây là mở đầu.

Bồ-tát diệt định, sáu thức không còn hiện hành nên không có phân biệt, cũng có các thứ sự nghiệp biến hóa.

Hỏi: Vì sao không nêu thí dụ về hàng Nhị thừa kém cõi?

Đáp: Nhị thừa vào diệt định không thể sinh ra sự nghiệp. Kinh Vô Cấu Xưng hai chép: Vô Cấu trách Xá-lợi-phất rằng: “Người ngồi an nhàn kia, không khởi diệt định mà hiện bày các oai nghi, đó là hạng ngồi an nhàn”. Nghĩa của định diệt tận rộng như các kinh luận khác có phân biệt rõ. Diệt định dụ cho như như, tiền nguyện dụ cho bốn nguyện, tạo tác sự nghiệp dụ cho nghiệp dụng của Ứng, Hóa.

Văn kinh: Hai pháp như thế không còn phân biệt, tự tại thành tựu sự nghiệp.

Tán rằng: Hợp. Diệt định và sự nghiệp sinh ra, cả hai không còn phân biệt, sự nghiệp Hóa tha được tự tại thành tựu. Lại giải thích: Như vào diệt định tuy không còn phân biệt, nhưng được thành tựu hai sự nghiệp Ứng, Hóa. Lại giải thích: Hợp với pháp trước, trí như như không có phân biệt, tự tại thành tựu sự nghiệp. Theo ý vấn hỏi trước đây, ở đây giải thích là thắng, vì trước đây nghi rằng: Vì sao pháp như như, trí như như cả hai không còn phân biệt, sự nghiệp thành tựu, nay lại hợp như vậy?

Văn kinh: Nay người thiện nam! Giống như mặt trăng, mặt trời không có phân biệt, cũng như nước, gương không có phân biệt, ánh sáng cũng không phân biệt, ba thứ hòa hợp có được hình ảnh sinh động.

Tán rằng: Dưới đây là dứt nghi ngờ của người thế gian không học, cũng có hai thí dụ: Đầu tiên nêu dụ về hữu thể, tuy không còn phân biệt nhưng có hình ảnh phát sinh, sau đó nêu dụ về vô thể, cho dù không còn phân biệt, cũng có hình ảnh phát sinh. Hai dụ trước cũng giống như vậy. Đã nhập Niết-bàn là nêu ra vô thể, nhập diệt định rồi là nêu ra hữu thể. Ở đây trong hữu thể có đầu dụ sau hợp, đây là dụ. Tam tạng Chân-đế chép: “Mặt trời, mặt trăng dụ cho như như, nước, gương dụ cho bốn nguyện từ bi, ánh sáng dụ cho trí như như, hình ảnh dụ cho Ứng, Hóa thân”. Ở đây lại giải thích rằng: Theo văn hợp ở dưới, đã nói vì nguyện tự tại nên chúng sinh có cảm mà hiện bày thân Ứng, Hóa, dùng nước hiện bày ảnh, dụ cho pháp như như, tương ứng với định nguyện lực, dùng gương sinh ra ảnh dụ cho căn cơ chúng sinh, mặt trời, mặt trăng dụ cho pháp như như, ánh sáng dụ cho trí như như.

Theo luận Nhiếp Đại Thừa: Nước dụ cho chúng sinh có tánh nhuận hoạt Tam-ma-địa, do đó hiện bày những hình ảnh mặt trời, mặt

trăng, tức là nước, gương cả hai đều dụ cho căn cơ chúng sinh, tức là mặt trời, mặt trăng dụ cho pháp như như, trí như như, ánh sáng dụ cho bốn nguyện. Tuy không còn phân biệt nhưng do bốn nguyện và lực cảm ứng của chúng sinh, cho nên có Ứng, Hóa”. Như vậy theo kinh nói: “Cũng như nước, gương không có phân biệt”. Tức giải thích về Thắng trước đó. Theo văn Hợp ở dưới nói: “Vì nguyện lực tự tại nên chúng sinh có cảm ứng”, tức giải thích về Thắng sau này, tùy ý lấy bỏ.

Văn kinh: Pháp như như, trí như như như thế cũng không có phân biệt, vì nguyện tự tại cho nên chúng sinh có cảm thân Ứng, Hóa hiện bày, như hình ảnh mặt trời, mặt trăng hòa hợp mà xuất hiện.

Tán rằng: Hợp.

Kinh Lại nữa, này người thiện nam! Giống như vô lượng, vô biên nước, gương, dựa vào ánh sáng cho nên hình ảnh hư không hiện bày các tướng khác nhau.

Tán rằng: Nêu thí dụ hư không vô thể. Đầu tiên nêu dụ trình bày, sau đó giải thích theo nạn. Nước, gương dụ cho căn cơ hữu tình, dựa vào ánh sáng dụ cho bốn nguyện lực, hư không dụ cho pháp như như, trí như như, hình ảnh hiện bày là thân Ứng, Hóa từ bốn nguyện lực, ánh sáng hợp với hư không là các pháp như như v.v... Ứng, Hóa hiện bày là vì các sự nghiệp lợi tha. Hoặc nói: “Hình ảnh hư không hiện bày giống như không có mây mù che lấp hư không, nhờ vào nước, gương mà được hiện bày hình ảnh. Nói hình ảnh hư không là hư không thế tục, cái thấy về bầu trời trong xanh; bầu trời trong xanh hiện rõ hình ảnh trong nước, gương. Hư không không có màu xanh, cái thấy về màu xanh đó như, là pháp như như và trí như như trước đây hiện bày nơi Ứng, Hóa. Hoặc chỉ thí dụ cho cơ duyên cảm ứng thì liền hiện bày, không phải như như lý hiện bày Ứng, Hóa thân. Đây là giải thích theo Duy Thức và sư An Huệ Vô Kiến Tướng.

Văn kinh: Hư không tức là vô tướng.

Tán rằng: Giải thích theo nạn, vì hư không không có hình ảnh màu sắc do đó dụ cho Pháp thân.

Văn kinh: Này người thiện nam! Như vậy các hàng đệ tử được giáo hóa đều là hình ảnh của Pháp thân.

Tán rằng: Hợp. Trước là nói về thân sở kiến, sau nói về lý do có thân, hợp thành không khác nhau. Nếu theo kinh do Chân-đế phiên dịch thì lẽ ra phải nói rằng: “Chúng được giáo hóa này là cơ năng cảm, các đệ tử v.v... tức là Bồ-tát, cũng thường hiện bày hai thân Ứng, Hóa. Hiện bày hai thân Ứng, Hóa là hình ảnh của Pháp thân”. Như trước đây đầu

tiên nêu thí dụ Phật nhập Niết-bàn, sau đó nêu thí dụ Bồ-tát diệt định. Lại giải thích: Văn này như vậy, các đệ tử được giáo hóa là cơ năng cảm, là hình ảnh Pháp thân, trong văn này nói giản lược, lẽ ra phải nói rằng: “Ứng, Hóa mà các đệ tử nhìn thấy là hình ảnh của Pháp thân, vốn nghi ngờ Pháp thân Như lai không còn phân biệt, vì sao có thể sinh khởi hai thân Ứng, Hóa, đệ tử không nghi ngờ có thể sinh khởi”. Nhưng pháp như như v.v... tuy không phân biệt, nhưng vì nguyện lực cho nên khiến trong tâm đệ tử thấy có, tức là Ứng, Hóa sự nghiệp mà sinh khởi.

Văn kinh: Vì nguyện lực cho nên đối với hai thứ thân hiện bày các thứ tướng, đối với Pháp thân không hề có tướng khác nhau.

Tán rằng: Nói về nguyên nhân vì sao có thân Ứng, Hóa thì hợp thành không khác. Không khác tức là phù hợp với tướng vô phân biệt của Pháp thân. Nói “đối với hai loại thân” đó là hai thân Ứng, Hóa. Hoặc do Phật hiện bày, hoặc do Bồ-tát hiện bày, gọi là hai thứ thân. Tuy hiện bày tướng khác nhau nhưng đối với Pháp thân không có tướng khác nhau phân chia khác nhau.

Văn kinh: Nay người thiện nam! Dựa vào hai thân này tất cả các Đức Phật nói về Niết-bàn hữu dư y.

Tán rằng: Thứ ba-Hữu dư vô dư phân biệt môn, nói về ba thứ Niết-bàn, tức là ba đoạn. Đây là đoạn đầu nói về Niết-bàn Hữu dư. Trong bốn Niết-bàn, ngoại trừ tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, không do đoạn chứng, tất cả cùng có cho nên không nói theo đây. Niết-bàn Hữu dư lẽ ra nên nói là Niết-bàn hiện bày từ hữu dư y, Niết-bàn hiện bày từ vô dư y, nay lược bỏ chữ y. Theo Du-già quyển năm mươi bảy chép: Hữu dư y địa có ba thứ thi thiết:

1. Địa thi thiết.
2. Tịch tĩnh thi thiết.
3. Y thi thiết.

Địa y cứ theo mười bảy địa. Tịch tĩnh có bốn thứ. Y thi thiết có tám thứ y:

1. Thi thiết y.
2. Nhiếp thọ y.
3. Trụ trì y.
4. Lưu chuyển y, tức là trú ở bốn thức.
5. Chương ngại y, đó là thiên ma.
6. Khổ não y, là tất cả cõi Dục.
7. Thích duyệt y, đó là nương vào tĩnh lực.
8. Hậu biên y.

Y nghĩa là nơi nương vào. Thứ nhất là thi thiết y: ngã pháp là thi thiết thế gian, Thánh giáo mượn làm nơi thi thiết, nương vào thủ uẩn này tức là thủ uẩn làm sở y, nghĩa Dư theo đó thì biết.

Hỏi: Nói về Niết-bàn Hữu dư y có mấy dư y?

Đáp: Theo Du-già năm mươi trả lời rằng: Phải nói cùng một loại y, một bề tương ứng, nghĩa là hậu biên y. Nói theo ý hữu dư tức là hậu biên y. Hậu biên y nghĩa là A-la-hán nối nhau với các uẩn, rằng hậu biên y này tương ứng với sáu nhiếp thọ sự bất cộng. Những thứ còn lại chẳng phải tương ứng, chẳng phải không tương ứng, vì trong nhiếp thọ y có bảy thứ nhiếp thọ:

1. Cha mẹ mình.
2. Vợ con.
3. Tôi tớ.
4. Người sai việc.
5. Kẻ hầu.
6. Bạn bè.
7. Quyển thuộc.

Nghĩa là quả A-la-hán vẫn thuộc về cha mẹ (được nhờ). Giống như Như lai tự tay mình nâng quan tài của cha, lên tầng trời Đao-lợi đền đáp nỗi suy tư của mẹ v.v... Vì nhờ vào Phật thân có năng lực nhiếp thọ, ngoài ra không thể nhiếp thọ. Vì có thể trở lại dứt trừ lưu chuyển, vì có khả năng hàng phục các ma, cho nên không nương vào hai y này. Thi thiết y, trú trì y v.v... không phải luôn luôn nương vào thủ uẩn, Thánh giáo cũng là thi thiết dự lưu v.v... Ngã gọi là tương ứng, tâm vô chấp, chấp ngã, hữu tình v.v... gọi là không tương ứng, còn lại theo đây thì biết. Có các y hậu biên v.v... gọi là Hữu dư y. Niết-bàn đạt được nhờ các y còn lại gọi là Hữu dư y Niết-bàn. Nói Niết-bàn nghĩa là viên tịch, bởi vì Tịch là nhiều công năng đều đầy đủ nên gọi là viên tịch. Tịch tĩnh có bốn loại:

1. Khổ tịch tĩnh.
2. Phiền não tịch tĩnh.
3. Không não hại hữu tình tịch tĩnh, không gây ra các việc ác, tu tập các pháp lành.
4. Xả tịch tĩnh, nghĩa là trú trong sáu hằng xả. Có đủ bốn tịch tĩnh này gọi là viên tịch. Nhưng thân Ứng, Hóa hạn chế thị hiện nói các hậu biên y v.v... chẳng phải Phật thật có uẩn hậu biên. Hoặc Ứng thân Phật cũng thị hiện sinh diệt, do đây liền chứng, đều nói về Ứng thân, chẳng phải là tự thọ dụng, bởi vì thân tự thọ dụng không có hậu biên. Lại nếu

bốn trí cũng thuộc về Ứng thân thì nương vào đâu mà Pháp thân đạt được vô dư y. Nay Ứng, Hóa khác với Nhị thừa, chỉ là hiện hữu, dường như khổ y thân, hoặc vô lậu y gọi là hữu dư, như luận Thành Duy Thức chép: Tuy không thật nương vào nhưng hiện dường như có”. Hoặc khổ y hết nên nói vô dư y, chẳng phải khổ y nên nói là hữu dư y. Nương vào hai thân đạt được Niết-bàn gọi là hữu dư y.

Vấn kinh: Nương vào Pháp thân này nói về Niết-bàn vô dư. Vì sao? Vì tất cả các pháp khác rốt ráo đều hết.

Tán rằng: Dưới đây nói về Vô dư y, có ba: Đầu tiên nêu ra, tiếp đó gạn hỏi, sau cùng giải thích. Nói “Nương vào Pháp thân này nói về Vô dư” có hai cách giải thích:

1. Nói rằng: Dựa vào Pháp thân Như như không còn tất cả các y, gọi là Niết-bàn Vô dư y. Nếu như vậy thì Niết-bàn và Pháp thân đâu có khác nhau?

Đáp: Gần với nghĩa công đức sở y gọi là Pháp thân, gần với nghĩa các y tịch tĩnh gọi là Niết-bàn. Lại giải thích: Bốn trí tâm, phẩm là trí như như, tức là tự thọ dụng cũng gọi là Pháp thân. Nương vào tự thọ dụng này không thị hiện thác sinh, Song lâm tuyên bố diệt độ không còn tất cả các y gọi là Vô dư y, nương vào đây mà hiển bày gọi là Niết-bàn Vô dư y.

Hỏi: Niết-bàn Vô dư do bao nhiêu tịch diệt gọi là Niết-bàn?

Đáp: Do hai thứ tịch diệt, Du-già quyển năm mươi chép:

1. “Do tịch tĩnh tịch diệt.
2. Do vô tổn não tịch diệt”.

Tịch tĩnh tịch diệt, nghĩa là trước tiên đối với hữu dư y đạt được xúc chứng bốn thứ tịch tĩnh, nay trong cõi Niết-bàn Vô dư y cũng có tịch tĩnh bốn thứ tịch tĩnh. Ý này là vì lại đạt được tịch tĩnh; nói do tịch tĩnh tịch diệt vì:

1. Sắc giáo tịch tĩnh.
2. Nhất thiết y tịch tĩnh.
3. Y y khổ tịch tĩnh.
4. Y y sinh nghi lự tịch tĩnh.

Nói Sắc giáo tịch tĩnh, Sắc là trí tuệ, nhân sắc khởi giáo, giáo sinh ra từ sắc gọi là sắc giáo. Trong Vô dư y gọi là Ngôn tuyệt cho nên gọi là sắc giáo tịch tĩnh. Nhất thiết y tịch tĩnh, như tám y trước không còn (Vô dư), đều vắng lặng gọi là nhất thiết y tịch tĩnh. Y y khổ tịch tĩnh, do tám y trước sinh ra các khổ cũng được dứt hẳn gọi là y y khổ tịch tĩnh, giống như nương vào y kia sinh ra y này gọi là Y y. Y y sinh nghi lự tịch

tĩnh: Nương vào tám khổ sinh ra hoài nghi lo lắng, không còn lại gì đều là vắng lặng, gọi là y y sinh nghi lự tịch tĩnh.

Hỏi: Niết-bàn Hữu dư y có bao nhiêu hữu dư mà nói là vô dư y?

Đáp: Có bảy loại:

1. Nhân quả dư, nhân nghi ngờ đã hết, quả khổ đau chưa mất, còn lại khổ y. Thành Duy Thức chép: “Niết-bàn Vô dư y chính là chân như, ra khỏi khổ sinh tử, phiền não đã sạch, dư y cũng diệt hết”.

2. Bất thiện nghiệp dư, người Vô học đã sạch nghiệp không lành, còn lại nghiệp lành vô ký.

3. Khổ đế dư.

4. Tập đế dư.

5. Diệt thức dư.

6. Đạo đế dư.

Cho nên kinh Thắng-man chép: “Hữu dư sinh không hết nên hữu sinh có, phạm hạnh còn lại không thành tựu nên sự không thuần nhất, sự không rốt ráo nên sẽ có sở tác, không độ người khác cho nên sẽ có sở đoạn. Khổ diệt đạo tập tức là Vô tác tứ đế, nhằm đến bất định tánh hữu dư không hiểu rõ sẽ có thể tu đoạn v.v... chẳng phải hướng về định tánh”.

7. Giả thật dư, bởi vì Ứng, Hóa là giả.

Văn kinh: Nương vào ba thân này nên tất cả các Đức Phật nói về Niết-bàn Vô trụ xứ.

Tán rằng: Dưới đây nói về Niết-bàn Vô trụ xứ. Văn chia làm năm:

1. Nêu ra.

2. Giải thích.

3. Hỏi.

4. Giải.

5. Kết.

Ở đây là Nêu ra.

Văn kinh: Vì hai thân cho nên không trụ Niết-bàn, lia Pháp thân không có Phật riêng.

Tán rằng: Giải thích. Vì sao ba thân gọi là Niết-bàn Vô Trụ xứ? Vì hai thân cho nên không trụ, do đại bi cho nên vì chúng sinh hiện thân, không trụ Niết-bàn. Cũng nên nói là không trụ sinh tử. Trước nói về vô dư, đã nói không trụ sinh tử. Lại vì Phật xa lia các lậu còn lại nên nói là Niết-bàn, vì vậy ở đây chỉ nói về bất trụ Niết-bàn, không nói trụ sinh tử. Sở dĩ không nói “Lìa Pháp thân không có Phật riêng” là vì Pháp thân là

nói theo Ứng, Hóa, tánh tướng hợp lại là không có Phật riêng. Hai thân kia không trụ cho nên Pháp thân cũng gọi là không trụ, vì vậy ba thân gọi chung là Vô trụ. Lại giải thích: Pháp thân và Niết-bàn đồng một thể nhưng nghĩa khác nhau, nếu lìa Pháp thân mà có Phật biệt thể đến trụ Niết-bàn thì có thể nói là trụ Niết-bàn. Đã lìa Pháp thân không có Phật riêng, tức là đồng một thể, tự không trụ nơi tự cho nên không trụ Niết-bàn. Trước đây giải thích là Thắng. Nói rằng “lìa Pháp thân không có Phật riêng”, không nói “lìa Niết-bàn không có Phật riêng”.

Vấn kinh: Vì sao hai thân không trụ Niết-bàn?

Tán rằng: Hỏi. Hai thân vô lậu tức là lìa sinh tử, vì sao không trụ Niết-bàn?

Vấn kinh: Hai thân giả danh không thật, niệm niệm sinh diệt, không trú nhất định, cho nên thường xuất hiện, không nhất định.

Tán rằng: Giải thích về lý do Ứng, Hóa thân không trụ. Đầu tiên thuận theo giải thích, tiếp đến là cùng thành tựu.

1. Giả danh chẳng phải thật.
2. Niệm niệm sinh diệt.
3. Thường xuất hiện.

Xuất hiện là vì chúng sinh, hoặc lúc thị hiện nhập diệt, hoặc lúc thọ sinh, do đó thường xuất hiện. Do không nhất định nên nói không trụ Niết-bàn.

Vấn kinh: Pháp thân không phải như vậy, vì thế cho nên hai thân không trụ Niết-bàn.

Tán rằng: Trở lại thành tựu.

Vấn kinh: Pháp thân không hai, vì thế cho nên không trụ Niết-bàn.

Tán rằng: Nói về lý do Pháp thân không trụ Niết-bàn. Pháp thân và Ứng hiện không hai cho nên cũng không trụ.

Vấn kinh: Vì vậy nương vào ba thân nói Vô trụ Niết-bàn.

Tán rằng: Kết thúc.

Vấn kinh: Nay người thiện nam! Tất cả phàm phu vì ba tướng cho nên có ràng buộc, có chướng ngại, lìa ba thân không được ba thân.

Tán rằng: Thứ tư là Trị chướng phế lập môn, có hai phần: Đầu tiên y cứ theo cảnh, tiếp đó y cứ theo tâm. Đây là theo cảnh: Văn chia làm hai mục: Trước nói về có chướng ngại không đạt được ba thân; sau nói về dứt trừ đạt được. Văn trước chia làm bốn:

1. Nêu ra.
2. Gạn hỏi.

3. Liệt bày.

4. Giải thích.

Đây là nêu ra. Ba tướng tức là ba tánh là sở ứng tri cảnh tướng. Luận Nhiếp Đại Thừa chép: “Ba tánh này gọi là sở ứng tri thắng tướng”. Có ràng buộc dựa vào hiện tại, có chướng ngại y theo chủng tử. Đồng thời có ràng buộc tức là tướng ràng buộc, hoặc tương ứng với sở duyên; ở đây nói theo ba tánh, không hiểu rõ cho nên có ràng buộc, có chướng ngại. Chướng tức là ba chướng, do đó xa lìa không được ba thân.

Văn kinh: Những gì là ba?.

Tán rằng: Gạn hỏi.

Văn kinh: Một là Biến kế sở chấp tướng; Hai là Y tha khởi tướng; Ba là thành tựu tướng.

Tán rằng: Nêu ra ba tướng. Ba tướng chính là ba tánh, như các kinh luận khác có phân tích rộng rãi, nay giải thích sơ lược tên gọi, phân biệt rõ về thể. Nói Biến kế sở chấp tướng: Biến nghĩa là cùng khắp, kế là kế độ so lường, so lường khắp tất cả các cảnh cho nên gọi là Biến kế. Biến kế tức là năng biến kế, sở biến kế, đều gọi là Biến kế. Sở chấp là tánh câu chấp của Biến kế, trở thành tướng tức là tánh, cũng chính là tướng của cảnh. Nương vào các duyên khác nên có thể phát khởi nên gọi là y tha khởi, nghĩa của tướng như trước. Thành tựu trọn vẹn gọi là tướng thành tựu. Sở chấp: ngã là tánh biến kế, tâm, tâm sở, sắc, bất tương ứng là y tha khởi, chân như là thể thành tựu. Hoặc lậu, vô lậu môn, năm uẩn vô lậu cũng là viên thành thật, tánh hữu lậu đó cũng là y tha.

Văn kinh: Các tướng như thế vì không thể hiểu, vì không thể diệt, vì không thể thanh tịnh.

Tán rằng: Giải thích. Biến kế vô tướng nên không thể nói là đoạn, chỉ nói là không thể hiểu. Nhiễm nương vào nơi khác mà có nên nói là không thể diệt. Như nói bất tịnh, năng tịnh là trí, sở tịnh là như, lưu ý rằng thể của Như không như không sạch. Hiện tại những điều đó chưa thể hiểu biến kế, diệt nhiễm y tha, tịnh viên thành thật.

Văn kinh: Vì thế cho nên các Đức Phật đầy đủ ba thân. Từ “thị cố v.v...” về sau là kết thúc: có ràng buộc có chướng ngại như vậy, cho nên không thể đạt đến ba thân.

Văn kinh: Bởi vì thường hiểu rõ, thường dứt trừ, thường thanh tịnh ba tướng như thế, cho nên các Đức Phật đầy đủ ba thân.

Tán rằng: Sau nói về dứt trừ đạt được, chia làm ba: Đầu lặp lại năng chướng; tiếp theo phân tích năng đoạn, sau cùng kết thúc. “Ba

tướng như thế” là lặp lại. “Năng giải, diệt, tịnh” là phân tích về năng đoạn. Do hiểu rõ tánh biến kế nên nói là có khả năng hiểu rõ (năng giải), tu tập trí vô phân biệt cho nên có khả năng dứt trừ (năng diệt), nhiệm y tha trí trước thường dứt trừ chướng ngại, do đó thường thanh tịnh (năng tịnh). Bởi vì hiểu rõ tướng biến kế sở chấp nên đạt được Hóa thân; do có sở chấp ngã tướng nên tình không đạt đến cảnh giới rốt ráo, không thể đạt được hiện thân Biến hóa. Tu tịnh y tha khởi trí dứt trừ nhiệm, cho nên đạt được Ứng thân, do lúc trí phát sinh có thể dứt trừ chướng ngại sót lại, nên thường thanh tịnh, chứng được tánh viên thành thật, hiển bày được Pháp thân, cho nên được ba thân.

Văn kinh: Nay người thiện nam! Các phàm phu không thể dứt bỏ ba tâm này, vì thế lìa ba thân không thể đạt được.

Tán rằng: Nói về Trị chướng, trong này nói theo tâm, văn chia làm hai phần: Đầu tiên phân tích về chướng; từ “Nương các phục đạo v.v...” về sau là phân tích rõ về đoạn. Văn phần đầu chia làm ba:

1. Nêu ra.
2. Gạn hỏi.
3. Liệt kê.

Đây là nêu ra. Nói về Tâm có bốn nghĩa:

1. Trinh thật gọi là tâm, như Bát-nhã-đa tâm, tức là lý chân như cũng gọi là tâm, kinh Thắng-man nói tự tánh thanh tịnh tâm; nơi khác gọi là Kiên-lật tâm.

2. Duyên lự tâm, tức là thông suốt tám thức, nơi khác gọi là chất-đa.

3. Tích tập nghĩa gọi là tâm, cũng có cả tám thức, bởi vì chứa nhóm toàn bộ năng sở.

4. Tích tụ tối thắng nghĩa, gọi là tâm, tức là chỉ có một mình thức thứ tám.

Hiện tại hỏi ở đây chính là hai nghĩa duyên lự, tích tập gọi là tâm. Ba tâm là năng chướng, nếu dứt bỏ được thì đạt được ba thân, nếu không dứt bỏ thì lìa ba thân không thể được, không thể được Ứng, Hóa thân, không thể được Pháp thân.

Văn kinh: Những gì là ba?.

Tán rằng: Tùy nêu ra.

Văn kinh: Một là khởi sự tâm; hai là y căn bốn tâm; ba là căn bốn tâm.

Tán rằng: Tùy câu hỏi mà trình bày giải thích. Đây tức là liệt kê. Nói về ba tâm, Tam tạng Chân-đế giải thích rằng:

1. Khởi sự tâm: là sáu thức bên ngoài.
2. Y căn bốn tâm: là thức thứ bảy bên trong.
3. Căn bốn tâm: là thức A-lại-da chính yếu nhất.

Pháp Sư Duy Thức Từ Ân nói: Khởi sự tâm nghĩa là thấy tâm tương ứng với phiền não, do phiền não này gây ra các nghiệp, cảm đến quả dị thực gọi là tâm khởi sự. Vì là gốc rễ sinh tử nên chướng ngại cho tùy loại thân. Tâm khởi sự nương tựa thuộc về y chủ thích. Hoặc do tâm và phiền não cùng tương ứng đồng một sự nghiệp cũng gọi là khởi sự, tức là trì nghiệp thích. Hoặc tâm khởi sự tương ứng, nhưng chính khởi sự là phiền não, từ tâm vương tương ứng mà đặt tên, thuộc về lân cận thích.

Như vậy cách giải thích đầu tiên thích đáng hơn. Tâm tương ứng của nghiệp lành và không lành gọi là y căn bốn tâm. Nghiệp là cội gốc sở y sinh ra, vì thế tâm tương ứng, nương theo căn bốn. Cũng theo trước giải thích về tâm căn bốn, tâm tương ứng với quả khổ ba cõi gọi là tâm căn bốn, bởi vì cội gốc sinh tử là từ thể Tánh, quả dị thực chung riêng này có cả bảy thức, chỉ trừ thức thức bảy. Nếu là có quả thì phát nhân sinh khởi đều đáp gọi là quả khổ. Thông suốt đấng lưu, dị thực tức là có cả tám thức. Nếu thật sự khác nhau thì gọi là quả khổ, là gốc sinh tử, tức là chỉ riêng thức thứ tám. Trong này ý nói đến các quả hữu lậu, cho nên kinh Niết-bàn chép: “Xả bỏ sắc tướng vô thường, đạt được sắc tướng thường hằng, thọ tướng hành thức cũng giống như vậy”. Lại giải thích: Phiền não chướng và nghiệp sở phát gọi là tâm khởi sự, sở tri chướng và nghiệp sở phát gọi là y căn bốn, là gốc sở y của phiền não; tâm căn bốn tức là quả đạt được từ hai chướng, hơn hẳn chỉ có thức thứ tám, các nghiệp sở y có khả năng giữ gìn chủng tử cho nên gọi là căn bốn. Kém hơn thì có cả bảy thức, nếu theo quả đấng lưu thì có cả tám thức.

Văn kinh: Nương vào các phục đạo, tâm khởi sự hết, nương pháp đoạn đạo, nương tâm căn bốn hết, nương vào tối thắng đạo, tâm căn bốn hết.

Tán rằng: Dưới đây là phân biệt rõ về đoạn, có ba phần: Đầu tiên nói về đoạn chướng, tiếp theo nói về đặc thân, sau cùng là kết thúc.

Đây là mở đầu: Nương vào các phục đạo thì tâm khởi sự hết, nghĩa là ba mươi tâm vị ở Địa tiền, trong kinh Nhân Vương Bát-nhã gọi là Phục Nhãn, cho nên ở bốn gốc lành, phân biệt hai chướng, có khả năng hàng phục, không hiện hành gọi là y phục đạo, khởi sự mất hết, cho nên nhập thấy đạo mà không gây ra nghiệp mới, cảm quả sinh tử hiển bày, được tùy loại Hóa thân. Lại giải thích: Chung cho với

Thập địa Kim cương dụ định, trước đây tuy đã hàng phục phiền não, nhưng chưa dứt trừ chủng tử cho nên gọi là các phục đạo. Cuối cùng hàng phục, địa vị ở Kim cương dụ định ở địa vị không xen hở, mới vĩnh viễn khiến cho các hiện hành kia không thể khởi lên. Kinh Giải Thâm Mật chép: “Từ Địa thứ tám trở lên còn có Sở y, Sở tri chướng, đến quả vị Phật đạt được tùy loại thân”. Cách giải thích này là hơn. Nướng vào pháp đoạn đạo thì tâm căn bản hết, nghĩa là tu tập Thánh đạo lần lượt sẽ dứt trừ các nghiệp, cho nên Sơ địa lìa xa đường ác, tạp nhiễm ngu tối, trong Nhị Địa lìa sự sai phạm ba nghiệp ngu tối. Hoặc có cả Thập địa dứt trừ sở trước chướng gọi là pháp đoạn đạo, bởi vì nướng vào pháp không quán mới có thể dứt trừ, sở tri chướng đã dứt do đó có thể đạt được Ứng thân. Nướng vào tối thắng đạo thì tâm căn bản hết. Đang xả bỏ gọi là đoạn ở giải thoát đạo, hoặc sắp xả bỏ gọi là đoạn ở Kim cương định. Hai thuyết trong đây như luận Thành Duy Thức mười có nói. Do dứt trừ quả khổ, tất cả thói quen đều xả bỏ hẳn cho nên thường hiển bày Pháp thân.

Văn kinh: Tâm khởi sự dứt trừ cho nên được hiện bày Hóa thân, y tâm căn bản dứt trừ cho nên được hiển hiện Ứng thân, căn bản tâm dứt trừ cho nên đến được Pháp thân.

Tán rằng: Nói về Đắc thân. Hai thân trước là mới khởi cho nên gọi là được, Pháp thân vốn có nên nói đến được Pháp thân, y theo trước có thể biết.

Hỏi: Ba thân này đạt được lúc nào?

Đáp: Theo các luận như Đại Trang Nghiêm, Thành Duy Thức v.v... thì đều từ Kim cương về sau, Phật Địa mới khởi lên. Luận đó chép: “Ba thân Biến, Hóa nghĩa là các Đức Như lai nhờ trí thành sự nên biến hiện vô lượng tùy loại hóa thân”. Luận Phật Địa chép: “Trí thành sở tác khởi lên ba nghiệp, thay đổi nướng vào nghĩa bất chánh. Từ Sở Địa trở lên thì đạt được trí này. Nghĩa chính chỉ riêng chỗ Phật Địa được khởi lên, bởi vì ở Thập Địa nướng vào căn hữu lậu mà phát khởi thức vô lậu, sáng suốt và mê mờ khác nhau cho nên không thể nào khởi lên Ứng thân; thân đã do bình đẳng cảnh trí mà khởi nên hợp lại gọi là Ứng thân, do đó Phật Địa khởi lên, không phải ở Thập Địa hữu cảnh trí”. Pháp thân cũng giống như vậy, bởi vì ra khỏi nơi ràng buộc gọi là Pháp thân. Luận Thành Duy Thức chép: “Ở Đại Mâu Ni gọi là Pháp thân”, đây là theo Tròn đầy đắc. Nếu y theo Phần đắc và Tương tự đắc thì địa vị có trước sau, ở địa vị Thập Tín là phần đắc Hóa thân, một số Bồ-tát đó thành tựu tám tướng cho nên từ Sơ địa trở lên được Ứng thân, Pháp

thân. Kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã nói có mười thứ Pháp thân, trong Thập Địa mỗi địa đạt được một, Bồ-tát địa vị trên giáo hóa Bồ-tát địa vị dưới cho nên chia ra được hai thân.

Văn kinh: Vì thế cho nên tất cả Như lai có đủ ba thân.

Tán rằng: Đây là kết luận.

